

PHIÊN BẢN CUỐI CÙNG: 27 tháng 4, 2018

Sở thích về Người bạn đời và Biểu hiện Hành vi của chúng

[Mate Preferences and Their Behavioral Manifestations]

David M. Buss và David P. Schmitt

Từ khóa: Hẹn hò ở con người, chiến lược tình dục, sở thích về người bạn đời, sự khác biệt giữa giới tính, tâm lý học tiến hóa

Lời cảm ơn. Tác giả gửi lời cảm ơn tới Courtney Crosby, Patrick Durkee, Anna Sedlacek, và Shelley Taylor đã đóng góp ý kiến vào bản thảo ban đầu của bài viết này.

Tóm tắt

“Sở thích ở người bạn đời đã tiến hóa” (evolved mate preferences) xác định một quá trình là nguyên nhân trung tâm trong lý thuyết của Darwin về chọn lọc giới tính (sexual selection). Ảnh hưởng mạnh mẽ của chúng đã được ghi nhận trong tất cả các loài sinh sản hữu tính (sexually reproducing species) được nghiên cứu kỹ lưỡng, và là trung tâm của Lý thuyết Chiến lược Tình dục (Sexual Strategies Theory / SST) được áp dụng cho con người. Chương này tổng hợp những gì được biết một cách khoa học về sở thích về người bạn đời của con người và nhiều biểu hiện hành vi của nó. Chúng tôi thảo luận về sự khác biệt và giống nhau theo giới tính trong các đặc điểm thiết kế của tâm lý tình dục con

người khi chúng thay đổi theo ngữ cảnh thời gian hạn hẹp (short-term) và dài hạn (long-term). Chúng tôi xem xét sự thay đổi theo ngữ cảnh cụ thể trong chiến lược hạn hẹp tùy thuộc vào các đặc điểm cá nhân, xã hội và sinh thái như giá trị người bạn đời (mate value), chiến lược lịch sử cuộc đời, tỷ lệ giới tính, bất bình đẳng kinh tế giữa giới tính, và chuẩn mực văn hóa (cultural norms). Đối với sở thích về người bạn đời đã tiến hóa, chúng phải được biểu hiện trong hành vi hạn hẹp, bắt cặp thực tế ở một số cá nhân trong một khoảng thời gian, như những người có giá trị bạn đời cao trong ngữ cảnh được cho phép tự do chọn bạn đời. Chúng tôi xem xét các bằng chứng thực nghiệm về tác động của sở thích về người bạn đời lên quyết định hạn hẹp thực tế, cũng như lên chiến lược thu hút người bạn đời, chiến lược giữ chân người bạn đời, mẫu lừa dối, nguyên nhân của hối tiếc tình dục, sự thu hút đối với dấu hiệu về khả năng bị lợi dụng tình dục, sự thu hút đối với dấu hiệu về khả năng sinh sản, sự thu hút đối với dấu hiệu về nguồn lực và bảo vệ, việc chê bai đối thủ, nguyên nhân của việc chia tay, và mẫu tái hôn. Chúng tôi kết luận bằng cách nêu rõ các vấn đề chưa được giải quyết và đề xuất một chương trình tương lai cho khoa học về hạn hẹp bắt cặp ở con người. Chương trình này bao gồm việc giải quyết các cuộc tranh luận chính, như các giả thuyết tiến hóa cạnh tranh về chức năng của việc hạn hẹp ngắn hạn của phụ nữ; cách con người tạo ra công nghệ văn hóa mới để thực hiện tốt hơn các chiến lược tình dục cổ đại (ancient sexual strategies); và cách tiến hóa văn hóa có thể đang ảnh hưởng mạnh mẽ đến tâm lý hạn hẹp đã tiến hóa của chúng ta.

Nội dung

1. GIỚI THIỆU
2. CÁC LÝ THUYẾT VỀ HẠN HẸP BẮT CẶP Ở CON NGƯỜI TRƯỚC LÝ THUYẾT CHIẾN LƯỢC TÌNH DỤC
3. GIẢ ĐỊNH CỐT LÕI CỦA LÝ THUYẾT CHIẾN LƯỢC TÌNH DỤC
4. CHIẾN LƯỢC HẠN HẸP NGẮN HẠN CỦA NỮ GIỚI
5. CHIẾN LƯỢC HẠN HẸP NGẮN HẠN CỦA NAM GIỚI

6. CHIẾN LƯỢC HẸN HÒ DÀI HẠN CỦA NAM GIỚI
7. CHIẾN LƯỢC HẸN HÒ DÀI HẠN CỦA NỮ GIỚI
8. ẢNH HƯỞNG CỦA NGŨ CẢNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CHIẾN LƯỢC TÌNH DỤC
9. THÁCH THỨC ĐỐI VỚI LÝ THUYẾT CHIẾN LƯỢC TÌNH DỤC
10. KẾT LUẬN

Giới thiệu

Trong các loài sinh sản hữu tính, không có quyết định nào quan trọng hơn việc chọn người bạn đời. Lựa chọn người bạn đời tốt có thể mang lại nhiều lợi ích sinh sản, như gen cho chức năng miễn dịch khỏe mạnh, bảo vệ thể chất, và cung cấp nguồn lực cho bản thân và con cái. Lựa chọn người bạn đời kém có thể dẫn đến một chuỗi chi phí - bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục, một gói DNA có tải trọng đột biến cao, thiệt hại về danh tiếng, và bị bỏ rơi. Những chi phí và lợi ích đáng kể này đã tạo ra áp lực chọn lọc lớn trong 800 triệu năm kể từ khi sinh sản hữu tính xuất hiện. Các lực lượng chọn lọc đã tạo ra các chiến lược giao phối tiến hóa trong tất cả các loài sinh sản hữu tính được biết và được nghiên cứu. Trên hết trong số những chiến lược này là sở thích trong chọn lựa bạn đời (preferential mate choice).

Định hình ban đầu của Darwin (1859) về chọn lọc tự nhiên tập trung vào chọn lọc sinh tồn (survival selection), sự tiến hóa của các thích nghi (adaptations) giúp các sinh vật có lợi thế trong ba cuộc đấu tranh của cuộc sống - cuộc đấu tranh với môi trường vật lý (physical environment), cuộc đấu tranh với các loài khác như kẻ săn mồi (predators) và ký sinh trùng (parasites), và cuộc đấu tranh với các thành viên của cùng một loài (members of one's own species). Với sự tiến hóa của sinh sản hữu tính 800 triệu năm trước, một hình thức mới hoàn toàn của tiến hóa do chọn lọc đã xuất hiện - chọn lọc giới tính (Darwin, 1871). **Chọn lọc giới tính mô tả sự tiến hóa của các thích nghi không phải vì lợi thế sinh tồn của chúng, mà là vì lợi thế giao phối (mating advantage) của chúng.**

Darwin mô tả hai quy trình chính mà lợi thế giao phối có thể thu được - *cạnh tranh cùng giới (intrasexual competition)* và *chọn lọc liên giới (intersexual selection)*. Trong cạnh tranh cùng giới, các đặc điểm liên kết với thành công trong các cuộc tranh đấu cùng giới được truyền đi với tần suất lớn hơn do việc tiếp cận tình dục tăng lên của kẻ chiến thắng. Các đặc điểm liên kết với việc thua cuộc trong cạnh tranh cùng giới chìm vào bụi bặm tiến hóa vì kẻ bị đánh bại thất bại trong trò chơi giao phối và gen của họ sẽ chết cùng họ. Mặc dù Darwin liên kết cạnh tranh cùng giới với các cuộc đấu thể chất, bây giờ chúng ta biết rằng logic là phổ quát hơn, và có thể mở rộng đến cuộc cạnh tranh giành lãnh thổ hoặc thậm chí cạnh tranh để leo lên các hệ thống đẳng cấp (Buss, 2016).

Đặc điểm cốt lõi của chọn lọc liên giới, cơ chế thứ hai của chọn lọc giới tính, là *sở thích chọn bạn đời (preferential mate choice)*. Quá trình này đòi hỏi ba yếu tố chính. Đầu tiên, phải có một số sự đồng lòng về các đặc điểm mong muốn ở giới tính khác, mặc dù sự đồng lòng hoàn hảo không cần thiết. Thứ hai, các đặc điểm mong muốn phải có thể kế thừa một phần. Thứ ba, quá trình lặp lại phải qua đủ số thế hệ để tạo ra một sự thay đổi tiến hóa. Sự thay đổi xảy ra bởi vì những người thành công thể hiện các đặc điểm mong muốn của giới tính khác có lợi thế giao phối (hẹn hò) và được chọn ưu tiên, và do đó truyền đi các đặc điểm mong muốn với tần suất cao hơn. Những cá nhân thiếu các đặc điểm mong muốn gặp khó khăn trong việc tìm người bạn đời và có thể bị loại bỏ hoàn toàn khỏi việc giao phối, vì vậy các đặc điểm không mong muốn giảm tần suất theo thời gian tiến hóa.

Tất cả các loài sinh sản hữu tính được biết đến - bao gồm ruồi trái cây, nhện, bọ cánh cứng, ếch, hamster, chim bồ câu, chim cánh cụt, cá heo, khỉ marmoset, khỉ baboon, và tinh tinh - đã được hình thành bởi chọn lọc giới tính (Andersson, 1994; Arnqvist & Rowe, 2005). Tất cả đều đã tiến hóa sở thích về người bạn đời. Tất cả đều cạnh tranh để có được người

bạn đời mong muốn. Sẽ là thách thức với lý thuyết khoa học nếu con người là loài duy nhất trên trái đất, trong khoảng 1,3 triệu loài sinh sản hữu tính, mà tâm lý giao phối hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi chọn lọc giới tính, hoàn toàn thiếu sở thích đã tiến hóa về người bạn đời, và hoàn toàn bỏ qua quá trình cạnh tranh cùng giới.

Rất nhiều bằng chứng khoa học cho thấy con người không phải là ngoại lệ. Chúng ta đã không thoát khỏi những lực lượng mạnh mẽ của chọn lọc giới tính trong khoảng sáu triệu năm hoặc nhiều hơn kể từ khi chúng ta tách ra từ tổ tiên chung với tinh tinh (chimpanzees). Nhưng bởi vì con người đã tiến hóa nhiều chiến lược giao phối có nhiều đặc điểm độc đáo, sở thích về người bạn đời đã tiến hóa và hình thức cạnh tranh người bạn đời của chúng ta phức tạp và khác biệt ở một số khía cạnh chính so với những loài sinh sản hữu tính khác, bao gồm cả loài linh trưởng có liên quan chặt chẽ (Gray, 2013). Trước khi mô tả các chiến lược giao phối đã tiến hóa của con người, sẽ hữu ích khi xem xét sơ lược lịch sử của các lý thuyết không-tiến-hóa về giao phối ở con người trước Lý thuyết Chiến lược Tình dục (Buss & Schmitt, 1993).

Các Lý thuyết về Hẹn hò (bắt cặp, giao phối) trước Lý thuyết Chiến lược Tình dục

Mặc dù lĩnh vực hẹn hò ở con người phần lớn nằm trong bóng tối khoa học chưa được khám phá, trước khi xuất hiện các quan điểm tiến hóa, đã có một số lý thuyết khác. Ví dụ Freud (1913/1950) đề xuất rằng mọi người tìm kiếm người bạn đời giống cha mẹ của giới tính khác. Winch (1958) đề xuất rằng mọi người tìm kiếm người bạn đời có những đặc điểm mà họ thiếu, một sự tìm kiếm sự bổ sung. Một số lý thuyết cho rằng mọi người tìm kiếm người bạn đời giống họ (ví dụ, Cattell & Nesselroade, 1967). Các lý thuyết về trao đổi và công bằng cho rằng mọi người tìm kiếm những người mà việc trao đổi các nguồn lực quý giá sẽ ở trong tình trạng cân đối hoặc công bằng (ví dụ, Berscheid & Walster, 1974; Clark & Reis, 1988), mặc dù những gì được xem là "nguồn lực quý giá" không được xác định rõ.

Tất cả những lý thuyết trước đây đều chia sẻ những hạn chế đáng chú ý. Đầu tiên, chúng là lý thuyết chung về nội dung, không xác định các chiều kích chính mà sự tương tự, bổ sung, trao đổi, hoặc công bằng có thể dựa trên. Sự chung chung này không cho phép dự đoán dựa trên các lĩnh vực nội dung cụ thể như nguồn lực kinh tế, nguồn lực tình dục, nguồn lực liên minh, hoặc nguồn lực nuôi dạy. Thứ hai, chúng là lý thuyết chung về ngữ cảnh. Ví dụ, chúng không xác định ngữ cảnh thời gian. Giao phối ngắn hạn, quan hệ tình dục ngẫu nhiên (tình dục không tình yêu), và ngoại tình đều vắng mặt một cách đáng chú ý, trọng tâm chỉ là hôn nhân hoặc lựa chọn người bạn đời dài hạn. Chúng cũng không chứa bất kỳ giả định nào giải thích tại sao mục tiêu hẹn hò có thể thay đổi theo các hoàn cảnh phát triển, tình huống, và sinh thái dự đoán được. Cuối cùng, và có lẽ quan trọng nhất, tất cả đều không cung cấp một lời giải thích vì sao con người sẽ được thúc đẩy theo các hướng được đề xuất, dù là sự tương tự, bổ sung, hay công bằng. Chúng thiếu một lý giải nguyên nhân về nguồn gốc chức năng của những mục tiêu hẹn hò bất cập này, mục đích thích ứng mà chúng có thể đã tiến hóa. Có lẽ vì vậy, tất cả đều bỏ qua khả năng rằng phụ nữ và đàn ông có thể khác biệt về chiến lược trong tâm lý hẹn hò của họ, và thực tế là không có một giả định hoặc dự đoán nào phân biệt về mặt giới tính.

Chúng tôi chỉ ra những hạn chế này để cung cấp các thông số tối thiểu về những gì một lý thuyết thuyết phục về hẹn hò ở con người nên cung cấp. Nó nên xác định các lĩnh vực liên quan đến tài nguyên quan trọng trong việc lựa chọn bạn đời, như tình dục, kinh tế và nguồn lực làm cha mẹ. Nó nên vượt qua trọng tâm duy nhất về hẹn hò cam kết dài hạn như hôn nhân, và chỉ ra các chiến lược hẹn hò khác nhau mà con người đã biết cách khởi xướng, bao gồm các cuộc gặp gỡ tình dục ngắn hạn, hẹn hò liên tiếp và ngoại tình. Một lý thuyết tốt về hẹn hò ở con người nên chỉ ra cách các chiến lược hẹn hò thay đổi theo các ngữ cảnh dự đoán được, như thay đổi giá trị bạn đời, thay đổi theo tỷ lệ giới tính khác nhau trong “bể/kho” hẹn hò, thay đổi theo việc một chiến lược hẹn hò ngắn

hạn hay dài hạn đang được theo đuổi, v.v.

Nó nên cung cấp một lời giải thích về *nguồn gốc nguyên nhân* của các chiến lược hẹn hò ở con người. Nó nên tạo ra các giả thuyết thuyết phục về các chức năng, nếu có, của mỗi đặc điểm của tâm lý hẹn hò ở con người, đó là cách thức cụ thể mà mỗi đặc điểm đã giải quyết một vấn đề thích nghi quan trọng. Nó nên chứa các thành phần phân biệt giới tính, vì quá trình chọn lọc giới tính là lực lượng tiến hóa mạnh mẽ nhất chịu trách nhiệm tạo ra tâm lý hẹn hò có phân biệt giới tính đến một mức độ nào đó (Andersson, 1994; Buss, 1995).

Lý thuyết Chiến lược Tình dục (Sexual Strategies Theory / SST; Buss & Schmitt, 1993) là lý thuyết đầu tiên cố gắng sửa chữa những thiếu sót của các lý thuyết hẹn hò trước đó và cung cấp một bản phác thảo sơ bộ về một số độ phức tạp chính của tâm lý hẹn hò ở con người. Bản phác thảo này đã được tinh chỉnh trong suốt 25 năm tiếp theo, với việc thêm các mức độ phức tạp và đặc điểm cụ thể theo ngữ cảnh, cũng như hàng trăm bài kiểm tra thực nghiệm của 9 giả thuyết cốt lõi và 22 dự đoán thực nghiệm. Chúng tôi sẽ trình bày những độ phức tạp và bài kiểm tra thực nghiệm này sau khi mô tả sơ lược các giả định cốt lõi của SST.

Giả định cốt lõi của Lý thuyết Chiến lược Tình dục

Một giả định cốt lõi của SST là con người đã tiến hóa một tâm lý hẹn hò đa diện bao gồm một bộ phức tạp của các thích nghi tâm lý, mỗi thích nghi đã tiến hóa để đáp ứng những thách thức thích nghi thường xuyên trong tiến hóa. Nhiều thách thức này được bao gồm dưới tiêu đề của lý thuyết chọn lọc giới tính. Hai vấn đề thích nghi rộng lớn mà con người phải đối mặt là (1) thực hiện lựa chọn bạn đời ưu tiên tăng cường khả năng sống sót và sinh sản [fitness], và (2) cạnh tranh với đối thủ để có được bạn đời mong muốn.

Mặc dù về nguyên tắc, những thách thức này là riêng biệt, chúng liên quan đến nhau theo hai cách (Buss, 1988a). Đầu tiên, sở thích bạn đời

của một giới tính quy định các lĩnh vực cạnh tranh cùng giới trong giới tính khác. Ví dụ nếu phụ nữ ưu tiên sự dũng cảm trước nguy hiểm, sở thích đó tạo ra áp lực chọn lọc đối với nam giới để cạnh tranh với đối thủ của họ để cung cấp các chỉ số chính xác về sự dũng cảm. Ngược lại, các hình thức cạnh tranh cùng giới có thể ảnh hưởng đến sự tiến hóa về sở thích bạn đời. Nếu nam giới cạnh tranh với nhau trong các hình thức đấu tranh cùng giới tính, như đấu vật, đấu gõ ngực, hoặc đánh nhau bằng gậy (Puts, 2016), sự biến đổi thông tin do chiến thắng và thua cuộc trong các cuộc thi có thể tạo ra hoặc làm tăng sở thích bạn đời của phụ nữ cho sự dũng mãnh hoặc khả năng thể thao. Mặc dù hai quá trình chọn lọc giới tính là riêng biệt, chúng có thể ảnh hưởng lẫn nhau theo quy luật nguyên nhân và kết quả. Với nền tảng khái niệm này, chúng tôi giờ đây trình bày các giả định chính của SST:

Giả định 1: Con người đã tiến hóa nhiều chiến lược hẹn hò (multiple mating strategies). Cả phụ nữ và nam giới đã tiến hóa một danh sách các chiến lược hẹn hò bao gồm hẹn hò cam kết dài hạn, hẹn hò ngắn hạn, hẹn hò liên tiếp, và hẹn hò ngoài luồng. Mặc dù có sự biến đổi về hình thức và chức năng, các mối quan hệ dài hạn thường được đặc trưng bởi mức độ cam kết cao, tạo mối liên kết cặp đôi, và sự tham gia cảm xúc, trong khi đó các mối quan hệ ngắn hạn như tình một đêm (one-night stands), kết nối ngắn hạn, và liên kết tạm thời thường thiếu những đặc điểm này. Tuy nhiên, chúng tôi hoàn toàn nhận ra rằng những điểm cuối của phạm vi thời gian là các đại diện sơ bộ và không hoàn toàn nắm bắt được sự phức tạp tâm lý của bộ chiến lược hẹn hò nằm dọc theo phạm vi này (Buss & Schmitt, 1993).

Giả định 2: Mỗi chiến lược tình dục có các đặc điểm thiết kế chuyên biệt. Vì các vấn đề thích nghi khác nhau phải được giải quyết khi theo đuổi những chiến lược khác nhau, chọn lọc đã tạo ra một tâm lý hẹn hò phức tạp được thiết kế để gạt hái lợi ích và giảm thiểu chi phí của mỗi chiến lược.

Giả định 3: Nam giới và phụ nữ tương tự nhau về chiến lược trong một số lĩnh vực. Trong tất cả các lĩnh vực mà nam giới và phụ nữ đã đối mặt với những thách thức thích nghi tương tự trong hẹn hò, như giải quyết vấn đề cam kết trong hẹn hò dài hạn, nam giới và phụ nữ sẽ tương tự nhau về tâm lý hẹn hò cơ bản (Buss, 1995).

Giả định 4: Phụ nữ và nam giới khác nhau về chiến lược hẹn hò nơi họ đã đối mặt với những vấn đề thích nghi khác nhau một cách thường xuyên. Trong các lĩnh vực mà nam giới và phụ nữ đã đối mặt với những thách thức thích nghi khác nhau một cách thường xuyên trong lịch sử tiến hóa con người, sẽ có sự khác biệt giới tính về tâm lý hẹn hò của họ (Buss, 1995).

Giả định 5: Sự khác biệt tối thiểu về đầu tư bắt buộc trong vai trò làm cha mẹ và chọn lọc giới tính đã tạo ra các hình thức hẹn hò ngắn hạn khác biệt theo giới tính. Vì phụ nữ và nam giới khác nhau rõ rệt về đầu tư tối thiểu bắt buộc để sinh ra một đứa con (chín tháng mang thai cho phụ nữ; một lần quan hệ tình dục cho nam giới), chọn lọc đã ưu tiên một bộ thích nghi phân biệt giới tính về các chiến lược hẹn hò ngắn hạn và các hoàn cảnh mà chúng được thực hiện.

Giả định 6: Việc tiếp cận phụ nữ có khả năng sinh sản trong lịch sử đã trở thành ràng buộc chính đối với thành công sinh sản của nam giới, vì vậy lựa chọn đã ưu tiên một tâm lý hẹn hò ngắn hạn được thiết kế đặc biệt để vượt qua ràng buộc này. Ràng buộc chính này đối với nam giới bao gồm việc giải quyết ít nhất bốn thách thức thích nghi khá riêng biệt: (a) khuyến khích tiếp cận với nhiều đối tác tình dục; (b) xác định phụ nữ nào có thể tiếp cận tình dục; (c) xác định phụ nữ có khả năng sinh sản; và (d) giảm thiểu cam kết và đầu tư ở mỗi người.

Giả định 7: Phụ nữ có được nhiều lợi ích thích nghi chính từ hẹn hò ngắn hạn. Hẹn hò ngắn hạn của phụ nữ đã được giả thuyết là có ít nhất bốn lợi ích thích nghi: (a) đảm bảo quyền truy cập ngay lập tức đến các

tài nguyên kinh tế; (b) sử dụng hẹn hò ngắn hạn để kiểm tra các bạn đời dài hạn tiềm năng; (c) có được gen tốt hơn so với bạn đời thường xuyên của họ; và (d) sử dụng hẹn hò ngắn hạn để chuyển đổi bạn đời (Buss et al., 2017).

Giả định 8: Nam giới và phụ nữ đã tiến hóa các chiến lược hẹn hò dài hạn, tạo thành cặp đôi, có ít nhất năm thành phần chung. Điểm chung bao gồm (a) xác định các đối tác tiềm năng sở hữu một quỹ đạo giá trị bạn đời tương tự như người chọn; (b) xác định các đối tác tiềm năng sẵn lòng và có khả năng cam kết dài hạn; (c) xác định các đặc điểm đối tác dài hạn tốt, bao gồm tỷ lệ đánh đổi phúc lợi (WTR) có xu hướng vị tha (tức là có xu hướng vì lợi ích của người khác); (d) xác định các đối tác tiềm năng có kỹ năng làm cha mẹ tốt; và (e) xác định các đối tác tiềm năng không bị gánh nặng bởi các cam kết tốn kém, như trẻ em nhỏ từ các mối quan hệ cũ.

Giả định 9: Thách thức cụ thể của nam giới trong hẹn hò dài hạn. Nam giới đã đối mặt với ít nhất hai thách thức thích nghi cụ thể về giới tính khi cam kết theo một chiến lược hẹn hò dài hạn: (a) xác định phụ nữ có giá trị sinh sản cao (tức là tiềm năng sinh sản tương lai); (b) vì thụ tinh xảy ra bên trong cơ thể phụ nữ, nam giới phải giải quyết vấn đề về sự không chắc chắn về việc có phải là cha đẻ để đầu tư được định hướng [chính xác] đến con ruot của họ.

Giả định 10: Thách thức cụ thể của phụ nữ trong hẹn hò dài hạn. Điều này bao gồm (a) xác định nam giới có khả năng giành được và đầu tư tài nguyên vào cô ấy và con cô ấy; (b) xác định nam giới sẵn lòng đầu tư tài nguyên vào cô ấy và con cô ấy; và (c) xác định nam giới có khả năng và sẵn lòng cung cấp sự bảo vệ thể chất cho cô ấy và con cô ấy khỏi những kẻ tấn công cùng loài và các lực lượng thiên nhiên thù địch khác.

Giả định 11: Việc triển khai các chiến lược tình dục/hẹn hò khác nhau, như ngắn hạn và dài hạn, phụ thuộc rất nhiều vào ngữ cảnh. Những ngữ

cảnh này bao gồm: (a) giá trị bạn đời của cá nhân; (b) tỷ lệ giới tính hoạt động trong bể (kho) hện hò liên quan; (c) các chiến lược được theo đuổi bởi những người khác trong bể hện hò; (d) các chi phí có thể phát sinh do theo đuổi mỗi chiến lược, bao gồm các bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục, thiệt hại danh tiếng, và bạo lực từ các đồng minh, họ hàng, hoặc bạn đời hiện tại; và (e) các biến số sinh thái như sự hiện diện của ký sinh trùng, sự khan hiếm của nguồn lực thực phẩm, chiến tranh giữa các nhóm, tỷ lệ tử vong theo giới tính cụ thể, hạn hán, và các nút thắt tiến hóa khác.

Tiền đề 12: Chiến lược tình dục là những giải pháp đã tiến hóa để đối mặt với những thách thức phổ biến và phân biệt giới tính trong việc giao phối/hện hò của con người. Những thích nghi tâm lý tiến hóa, bao gồm nhiều ngữ cảnh đầu vào khác nhau kích hoạt chúng, quy trình xử lý thông tin của chúng, và hành vi phát huy rõ ràng được gọi là chiến lược tình dục. Những chiến lược này là những giải pháp tiến hóa cho các vấn đề thích nghi, không liên quan đến nhận thức về nguồn gốc, bản chất, hay chức năng của chúng.

Vì một số học giả đã hiểu sai một cách nghiêm trọng về SST, mô tả nó một cách sai lầm như “đàn ông thích phiêu lưu, phụ nữ thích một mối quan hệ độc quyền”, chúng tôi bắt đầu bằng việc tập trung vào chiến lược hện hò ngắn hạn của phụ nữ với hy vọng điều này sẽ sửa chữa những hiểu lầm trong tương lai.

Chiến lược hện hò ngắn hạn của phụ nữ

Lý thuyết Chiến lược Tình dục, từ khi ra đời, đã nhấn mạnh rằng phụ nữ cũng như đàn ông đã tiến hóa chiến lược hện hò ngắn hạn. Theo toán học, số lượng hện hò ngắn hạn giữa hai giới phải giống nhau, giả sử tỷ lệ giới tính trong nhóm giao phối là bằng nhau. Mỗi khi một người đàn ông có một cuộc gặp gỡ tình dục ngẫu nhiên với một người phụ nữ, một người phụ nữ cũng đồng thời có một cuộc gặp gỡ tình dục ngẫu nhiên với một người đàn ông, mặc dù tất nhiên họ có thể hiểu cuộc gặp gỡ

này theo cách khác nhau. Một người có thể coi đó là tình một đêm, trong khi người khác coi đó là sự thất bại trong việc tạo mối liên kết. Tuy nhiên, sự thật là một số phụ nữ trong một số hoàn cảnh khởi xướng và tham gia vào quan hệ, hẹn hò ngắn hạn - dù dưới hình thức hooking up, bạn bè có lợi ích (FWB), tình một đêm hoặc các cuộc gặp gỡ tình dục ngoài hôn nhân. Và họ làm điều đó một cách chiến lược.

Bởi vì phụ nữ tổ tiên thường không thể tăng đáng kể sản lượng sinh sản của họ từ việc thêm nhiều đối tác tình dục (trừ khi đối tác thường xuyên của họ bị vô sinh), một câu đố khoa học quan trọng đã là liệu có sự thích nghi cho hẹn hò ngắn hạn tồn tại ở phụ nữ hay không, và nếu có, chức năng tiến hóa của nó có thể là gì. Buss và Schmitt (1993) đề xuất bốn chức năng thích nghi có thể của hẹn hò ngắn hạn của phụ nữ: nguồn lực tức thì, gen tốt, đánh giá đối tác ngắn hạn cho khả năng dài hạn, và đổi đối tác.

Mặc dù đây là những giả thuyết thay thế, chúng không cạnh tranh với nhau trong một cuộc thi khoa học tổng-không (zero-sum / tức là một yếu tố này tăng sẽ làm yếu tố khác giảm đi, ý của câu này là các chức năng thích nghi có thể cùng tăng, cùng giảm với nhau, không phải bắt buộc cái này tăng thì cái kia phải giảm). Phụ nữ trong hoàn cảnh mùa đông khắc nghiệt hoặc thiếu thức ăn nghiêm trọng, ví dụ vậy, có thể sử dụng giao phối ngắn hạn như một biện pháp tuyệt vọng để có được calo có thể tạo ra sự khác biệt giữa sống sót và chết đói cho bản thân và con cái của họ. Phụ nữ trong các hoàn cảnh khác, như những người trong mối quan hệ dài hạn với những người đàn ông có chất lượng gen thấp, có thể sử dụng giao phối ngắn hạn để có được gen tốt hơn cho con cái của họ - giả thuyết được nhiều nhà khoa học tiến hóa ủng hộ mạnh mẽ (ví dụ, Gangestad và Thornhill, 2008; Gildersleeve, Haselton, & Fales, 2014). Và một số phụ nữ, khi thấy mình trong một mối quan hệ gây tổn thất, một mối quan hệ không đạt đến lời hứa ban đầu, hoặc khi có một lựa chọn tốt hơn xuất hiện, có thể sử dụng giao phối ngắn hạn như một chiến lược đổi đối tác - một giả thuyết được Buss và đồng nghiệp ủng

hộ gần đây (Buss et al., 2017).

Kết quả kiểm tra thực nghiệm cho thấy điều gì? Một trong những bài kiểm tra đầu tiên được thực hiện bởi Greiling và Buss (2000) đã cố gắng kiểm tra tất cả các dự đoán ngoại trừ giả thuyết gen tốt trong bốn nghiên cứu. Họ đã kiểm tra cảm nhận của phụ nữ về một loạt lợi ích từ giao phối ngắn hạn, khả năng nhận được những lợi ích đó, các ngữ cảnh mà giao phối ngắn hạn xảy ra, và cảm nhận lợi ích của phụ nữ đã chủ động theo đuổi giao phối ngắn hạn. Họ đã tìm thấy một số sự hỗ trợ phù hợp với giả thuyết thu nhận nguồn lực và đổi đối tác, mặc dù những kết quả này không thể được xem là quyết định hoặc dứt khoát.

Giả thuyết gen tốt. Hầu hết các nghiên cứu về các chức năng có thể của hẹn hò ngắn hạn của phụ nữ đã tập trung vào giả thuyết gen tốt. Nguồn chính của bằng chứng đã là sự thay đổi trong sự ưu tiên đối tác của phụ nữ vào thời điểm rụng trứng. Logic của giả thuyết là một số phụ nữ theo đuổi một chiến lược hẹn hò kép - thu được đầu tư và nguồn lực từ một đối tác cam kết thường xuyên và thu được gen ưu việt từ một đối tác ngoại tình. Giả thuyết này dự đoán rằng phụ nữ sẽ trải qua một sự thay đổi trong sự ưu tiên đối tác xung quanh khoảng thời gian ngắn hạn của quá trình rụng trứng, là thời điểm duy nhất mà một người phụ nữ có thể thụ tinh, để đánh giá các đặc điểm 'gen tốt' được giả định (ví dụ, đối xứng, đặc điểm nam tính, sự hấp dẫn về mặt thể chất); rằng những thay đổi ưu tiên này sẽ tập trung vào hẹn hò ngắn hạn hơn là hẹn hò dài hạn; và rằng ham muốn tình dục sẽ đạt đỉnh cho những người đàn ông khác ngoài đối tác thường xuyên của phụ nữ.

Bằng chứng thực nghiệm cho những thay đổi ưu tiên đối tác này có phần phức tạp. Một phân tích tổng hợp lớn đã xem xét 134 hiệu ứng từ 50 nghiên cứu khác nhau và tìm thấy một số sự hỗ trợ cho những thay đổi ưu tiên dự đoán, mặc dù kích thước hiệu ứng thường nhỏ (Gildersleeve et al., 2014). Tuy nhiên, một nghiên cứu dài hạn quy mô lớn gần đây với 584 phụ nữ, không tìm thấy sự tương quan giữa tình

trạng rụng trứng được đánh giá theo hormone và sự ưu tiên cho đặc điểm nam tính trên khuôn mặt nam giới, mặc dù nó đã tìm thấy rằng sự ưu tiên chung cho khuôn mặt nam tính được thể hiện rõ ràng hơn cho các mối quan hệ ngắn hạn hơn là mối quan hệ dài hạn (Jones et al., 2018). Một nghiên cứu đã đăng ký trước của 157 phụ nữ không tìm thấy sự ưu tiên của phụ nữ cho cơ thể nam tính tăng lên vào thời điểm rụng trứng, như được dự đoán bởi giả thuyết gen tốt (Junger et al., đang chờ in). Dựa trên các nghiên cứu đã được thực hiện cho đến nay, sự hỗ trợ thực nghiệm cho chức năng gen tốt được giả định của hện hò ngắn hạn của phụ nữ là yếu hoặc phức tạp.

Giả thuyết gen tốt cũng đã bị đặt câu hỏi về lý thuyết (Buss & Shackelford, 2008; Buss et al., 2017). Đầu tiên, đến mức độ mà phụ nữ tăng cường sự ưu tiên cho một số đặc điểm như nam tính vào thời điểm rụng trứng, những phát hiện này có thể được hiểu theo khái niệm là một sự thay đổi trong giá trị đối tác tự nhận thức của phụ nữ hơn là một sự chuyển đổi sang sự ưu tiên cho gen tốt (Buss & Shackelford, 2008). Nghiên cứu cũng cho biết rằng phụ nữ có giá trị đối tác cao hơn nâng cao tiêu chuẩn của họ, mong muốn mức độ cao hơn cho nhiều đặc điểm trong một đối tác, bao gồm các chỉ số gen tốt được giả định, chất lượng đối tác tốt, và nguồn lực (Buss & Shackelford, 2008). Về mặt khái niệm, phụ nữ thực sự có giá trị đối tác cao hơn khi họ rụng trứng so với khi họ không rụng trứng, vì họ có khả năng sinh sản tối đa chính xác vào thời điểm này trong chu kỳ của họ. Bằng chứng gián tiếp cho sự thay đổi rụng trứng trong giá trị đối tác của phụ nữ đến từ một nghiên cứu về 26.000 báo cáo dạng tự báo cáo trực tuyến theo dõi chu kỳ rụng trứng, đã tìm thấy sự tăng cường đáng tin cậy trong sự tự nhận thấy sự mong muốn xung quanh thời điểm rụng trứng - có thể là một thích nghi theo dõi tâm lý (Arslan et al., 2017).

Thứ hai, vì tất cả các đặc điểm được phụ nữ đánh giá cao trong hện hò dài hạn đều cho thấy tính di truyền vừa phải, bao gồm trí thông minh, sự ổn định về mặt cảm xúc, đáng tin cậy, tham vọng, và siêng năng

(industriousness), không rõ vì sao các đặc điểm nam tính và đối xứng lại được chọn ra như những trường hợp đặc biệt của 'gen tốt' so với những đặc điểm khác. Để lấy một ví dụ thuyết phục, trí thông minh cho thấy tính di truyền cao hơn hầu hết các đặc điểm khác, đã được giả định trực tiếp là một chỉ số gen tốt chính (ví dụ, Miller, 2000), tuy nhiên không có bằng chứng nào cho thấy phụ nữ tăng sự quan trọng họ gán với trí thông minh vào thời điểm rụng trứng. Nói tóm lại, về cả lý thuyết và thực nghiệm, giả thuyết gen tốt trong hẹn hò ngắn hạn của phụ nữ, mặc dù có thể áp dụng cho một nhóm nhỏ phụ nữ chờ kiểm tra trong tương lai, có thể được coi là cần đặt câu hỏi về lý thuyết và không được hỗ trợ tốt về mặt thực nghiệm. Ngược lại, một chức năng thay thế của hẹn hò ngắn hạn của phụ nữ có thể hứa hẹn hơn - giả thuyết đổi đối tác (mate switching hypothesis).

Giả thuyết đổi đối tác. Có một số biến thể của giả thuyết đổi đối tác của hẹn hò ngắn hạn ở phụ nữ. Một biến thể liên quan đến việc nuôi dưỡng một *đối tác dự phòng (backup mate)* nếu có điều gì xảy ra với mối quan hệ thường xuyên của một người phụ nữ, như đối tác bị thương, chết trong một cuộc chiến, hoặc đơn giản là dự đoán về một cuộc chia tay có thể xảy ra. Điều này đã được gọi là chức năng 'bảo hiểm đối tác' ['mate insurance' function] (Buss, 2016). Một biến thể khác liên quan đến việc có một cuộc gặp gỡ tình dục ngắn hạn để dễ dàng hơn trong việc từ bỏ một đối tác hiện tại. Một biến thể thứ ba liên quan đến việc đổi lấy một đối tác có giá trị đối tác cao hơn, hoặc một người cung cấp nhiều lợi ích và ít chi phí hơn đối tác hiện tại của mình. Một biến thể thứ tư liên quan đến việc sử dụng hẹn hò ngắn hạn như một cách để đánh giá giá trị đối tác của mình để xem liệu có tồn tại đối tác tiềm năng hấp dẫn và có thể dễ tiếp cận hơn trong thị trường hẹn hò hay không.

Chỉ có một số ít các nghiên cứu thực nghiệm đã kiểm tra trực tiếp giả thuyết chuyển đổi bạn đời, nhưng nhiều kết quả độc lập khác nhau đều cho thấy tính hợp lý của nó. Đầu tiên, *sự không hài lòng trong mối quan hệ (relationship dissatisfaction)* là một trong những yếu tố dự đoán mạnh

nhất về sự không chung thủy thực tế của phụ nữ, nhưng không phải của đàn ông (Glass & Wright, 1992). Thứ hai, sự không hài lòng trong mối quan hệ dự đoán sự quan tâm tình dục của phụ nữ đối với người đàn ông khác cả trong giai đoạn rụng trứng và giai đoạn sau rụng trứng của chu kỳ rụng trứng (Gangestad et al., 2005). Kết quả này phù hợp với việc không chung thủy (infidelity) có chức năng chuyển đổi bạn đời, nhưng nó không thể được giải thích bởi giả thuyết gen tốt, dự đoán sự quan tâm đối với người đàn ông khác chỉ trong giai đoạn rụng trứng. Thứ ba, những lợi ích mà phụ nữ báo cáo từ việc ngoại tình bao gồm (a) tìm thấy một đối tác hấp dẫn hơn đối tác hiện tại của họ, (b) làm cho việc chia tay với đối tác hiện tại dễ dàng hơn, (c) có thể thay thế đối tác hiện tại, và (d) phát hiện các đối tác tiềm năng khác có thể quan tâm đến một mối quan hệ (Greiling & Buss, 2000). Thứ tư, những nguy cơ mà phụ nữ báo cáo sẽ khiến họ có xu hướng không chung thủy bao gồm một đối tác không thể giữ được công việc, gặp một người thành công hơn đối tác hiện tại của họ và có vẻ quan tâm đến họ, và gặp một người sẵn lòng dành nhiều thời gian cho họ (Greiling & Buss, 2000).

Thứ năm, 79% phụ nữ có mối quan hệ ngoại tình báo cáo rằng họ đã yêu người đàn ông họ ngoại tình, trái ngược với chỉ một phần ba số đàn ông có mối quan hệ ngoại tình (Glass & Wright, 1992) - và tình yêu là một cảm xúc được cho là chủ yếu xuất hiện trong các nguy cơ hẹn hò dài hạn (Buss, 1988b, sắp xuất bản). Nếu chức năng chính của sự không chung thủy của phụ nữ chỉ đơn giản là để đảm bảo gen ưu việt từ một đối tác ngoại tình, việc yêu đối phương dường như vừa thừa thãi vừa tốn kém theo cách có thể gây cản trở cho việc đảm bảo sự đầu tư tiếp tục từ đối tác thường xuyên của một người phụ nữ.

Thứ sáu, những phẩm chất mà phụ nữ muốn ở một đối tác ngoại tình rất giống với những gì họ muốn ở một đối tác cam kết dài hạn (Kenrick, Sadalla, Groth, & Trost, 1990; Greiling & Buss, 2000). Những điều này bao gồm một xếp hạng tối thiểu ở phân vị thứ 70 về sự đáng tin cậy, ổn định về mặt cảm xúc, thành công, trung thực, thông minh, trưởng thành

và không ích kỷ. Sáu nhóm kết quả thực nghiệm này phù hợp với giải thích chuyển đổi bạn đời cho sự không chung thủy của phụ nữ, nhưng dường như khó giải thích với giả thuyết gen tốt.

Hơn nữa, một nghiên cứu tổng hợp về tỷ lệ thật sự của cha không phải là cha ruột đặt tỷ lệ chỉ ở mức 1,7% (Anderson, 2006). Một nghiên cứu tổng hợp thứ hai đặt con số giữa 3,1% và 3,7% (Voracek et al., 2008). Và một nghiên cứu quy mô lớn ở Đức tìm thấy tỷ lệ không phải cha ruột thấp hơn là 0,94% (Wolf et al., 2012). Tất nhiên, có thể tỷ lệ cha không phải là cha ruột cao hơn trong môi trường tổ tiên, và các nghiên cứu về các nền văn hóa truyền thống hơn có thể giúp làm sáng tỏ vấn đề này. Ví dụ, trong số những người Himba bán du mục của Namibia, 23% trẻ em từ hôn nhân sắp đặt, nhưng không có trường hợp nào từ hôn nhân 'tình yêu', là các trường hợp cha không phải là cha đẻ (Scelza, 2011). Phần lớn phụ nữ dường như đang đảm bảo cả gen và sự đầu tư từ cùng một đối tác, điều này gây ra một vấn đề thực nghiệm cho giả thuyết về chiến lược hèn hò kép.

Tất nhiên, giả thuyết gen tốt và chuyển đổi bạn đời không loại trừ lẫn nhau hoặc mâu thuẫn với nhau. Một số ít phụ nữ trong các ngữ cảnh giới hạn có thể thực hiện thành công chiến lược hèn hò kép và đảm bảo gen tốt từ một đối tác ngoại tình, trong khi những phụ nữ khác có mối quan hệ ngoại tình đang thực hiện một hoặc một số biến thể khác của việc chuyển đổi bạn đời. Chúng tôi đề xuất rằng giả thuyết chuyển đổi bạn đời cung cấp một giải thích tiết kiệm hơn cho chức năng của sự không chung thủy cho hầu hết phụ nữ (để biết thêm về các giả thuyết về việc thích ứng chuyển đổi bạn đời, bao gồm các đầu vào, quy tắc quyết định và đầu ra, xem Buss et al., 2017).

Các chức năng bổ sung của việc hèn hò ngắn hạn cho phụ nữ. Giả thuyết chuyển đổi bạn đời và gen tốt, tất nhiên, không loại trừ các chức năng khác có thể của việc hèn hò ngắn hạn của phụ nữ. Các ứng cử viên khác bao gồm việc đảm bảo nguồn lực hoặc bảo vệ ngay lập tức từ

đối tác ngoại tình (Greiling & Buss, 2000; Symons, 1979); gây rối về việc ai là cha đẻ để ngăn chặn giết hại trẻ em hoặc để thu hút nguồn lực từ nhiều đối tác (Hrdy, 1979); đảm bảo một dự phòng sinh sản trong trường hợp đối tác thường xuyên chứng minh sự vô sinh; tìm cách trả thù đối tác hiện tại như một cách để ngăn chặn sự không chung thủy trong tương lai của anh ta; và sàng lọc đàn ông vì những phẩm chất mong muốn trong một đối tác dài hạn tiềm năng (Greiling & Buss, 2000). Mặc dù những giả thuyết thay thế này cho việc hẹn hò ngắn hạn của phụ nữ có một số bằng chứng hỗ trợ trong các hoàn cảnh giới hạn (Buss, 2016; Scelza & Prall, 2018), chúng không thể giải thích vô số kết quả hỗ trợ giả thuyết chuyển đổi bạn đời liên quan đến sự không chung thủy của phụ nữ. Điểm quan trọng là việc chuyển đổi bạn đời có thể là chức năng thường xuyên nhất hoặc chức năng chính của sự không chung thủy của phụ nữ, trái ngược với giả định phổ biến trong số các nhà khoa học tiến hóa rằng gen tốt là chức năng chính.

Chiến lược hẹn hò ngắn hạn của đàn ông

Do sự không đồng đều lớn về sự đầu tư bắt buộc khi làm cha mẹ, một loạt các dự đoán đơn giản theo SST về sự khác biệt giới tính trong việc hẹn hò ngắn hạn. Buss và Schmitt (1993) ban đầu chỉ định bốn dự đoán trực tiếp liên quan đến sự khác biệt giới tính trong mong muốn đa dạng tình dục: 1) đàn ông sẽ thể hiện mong muốn lớn hơn, hoặc quan tâm đến các đối tác ngắn hạn nhiều hơn phụ nữ, 2) đàn ông sẽ mong muốn số lượng đối tác tình dục lớn hơn so với phụ nữ, 3) đàn ông sẽ sẵn lòng tham gia quan hệ sau một khoảng thời gian ngắn hơn so với phụ nữ, và 4) đàn ông sẽ nói lỏng tiêu chuẩn chọn bạn đời trong các ngữ cảnh hẹn hò ngắn hạn hơn phụ nữ. Các thử nghiệm thực nghiệm xuyên văn hóa của phần dự đoán này đã cung cấp sự hỗ trợ mạnh mẽ cho chúng (ví dụ, Buss & Schmitt, 2011, Bảng 1; Lippa, 2009; Schmitt, 2017).

Sự khác biệt giới tính trong mong muốn đa dạng tình dục là một trong những hiệu ứng mạnh mẽ và được tái tạo tốt nhất trong tất cả các ngành khoa học tâm lý, với kích thước hiệu ứng thường đạt $d_s +.74$.

Đàn ông hơn phụ nữ mong muốn một số lượng lớn hơn đối tác tình dục trong các khoảng thời gian từ một tháng đến cả đời. Nếu đã kết hôn, họ có nhiều khả năng mong muốn tình dục ngoại tình. Đàn ông có nhiều khả năng có những ảo tưởng tình dục liên quan đến tình dục ngắn hạn, nhiều đối tác tình dục, và tình dục với người hoàn toàn xa lạ. Họ có nhiều khả năng tiêu thụ nội dung khiêu dâm mô tả tình dục ngắn hạn không có ngữ cảnh, cảm xúc, và mối quan hệ. Đàn ông có thái độ lỏng lẻo hơn đối với tình dục ngẫu nhiên (Petersen & Hyde, 2010) và thể hiện một tình dục xã hội không bị hạn chế hơn phụ nữ. Những kết quả này đã được hỗ trợ bởi hai nghiên cứu xuyên văn hóa độc lập, không có một ngoại lệ văn hóa nào (Lippa, 2009; Schmitt, 2005). Đàn ông hơn phụ nữ trong chuyện nói lỏng tiêu chuẩn của họ cho các cuộc hẹn hò ngắn hạn chi phí thấp trên một loạt các phẩm chất đối tác, bao gồm tính cách, trí thông minh, và thậm chí cả sự hấp dẫn.

Không chỉ những sự khác biệt giới tính này mạnh mẽ xuyên qua các nền văn hóa, trên một số phép đo, cường độ thực sự *tăng lên* trong các văn hóa bình đẳng giới hơn. Ví dụ, sự khác biệt giới tính trong việc thể hiện sự thoải mái với nhiều đối tác tình dục ngẫu nhiên cao hơn ở Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, và Iceland hơn so với các nền văn hóa bình đẳng giới ít hơn như Ethiopia, Nigeria, và Swaziland (Schmitt, 2014).

Nói tóm lại, rất nhiều bằng chứng thực nghiệm hỗ trợ các dự đoán chính từ SST về các đặc điểm thiết kế dự đoán của tâm lý tình dục ngắn hạn của đàn ông. Trong suốt phần tư thế kỷ qua, các đặc điểm thiết kế bổ sung đã đưa ra giả thuyết và được kiểm tra thực nghiệm, mở rộng SST xa hơn so với bản trình bày ban đầu của nó. Những giả thuyết này bao gồm các giả thuyết về hối tiếc tình dục, dấu hiệu về khả năng bị lợi dụng tình dục, và hình thức lừa dối tình dục.

Hối tiếc tình dục (Sexual regret). Các cảm xúc tình dục trải qua sau một cuộc gặp gỡ tình dục ngắn hạn khớp với sự khác biệt giới tính lớn trong mong muốn tình dục. Đàn ông ít khả năng hơn phụ nữ trải qua cảm giác

hối tiếc sau khi hẹn hò ngắn hạn (Galperin et al., 2013), một kết quả được tái tạo ở Na Uy, một trong những văn hóa bình đẳng tình dục nhất trên thế giới (Bendixen et al., 2017; Kennair et al., sắp xuất bản). Ví dụ, phụ nữ hơn đàn ông báo cáo trải qua cảm giác hối tiếc về các mối quan hệ tiến triển "quá nhanh" về mặt tình dục, có tình dục với người lạ, có tình dục với người giả vờ cam kết, và có tình một đêm. Đàn ông ở Mỹ và Na Uy có nhiều khả năng hơn phụ nữ trải qua cảm giác hối tiếc về cơ hội tình dục bị bỏ lỡ. Đàn ông ít khả năng hơn phụ nữ trải qua cảm giác hối tiếc sau các cuộc 'hookup' trên khuôn viên trường đại học [*'hookup' là một thuật ngữ tiếng Anh được sử dụng để chỉ một mối quan hệ tình dục ngắn hạn, thường không đi kèm với cam kết hoặc mối quan hệ lâu dài. Nó thường ám chỉ việc hai người gặp nhau và tham gia vào các hoạt động tình dục mà không kỳ vọng phát triển thành một mối quan hệ nghiêm túc hoặc lâu dài.*]. Phụ nữ có nhiều khả năng hơn đàn ông nói rằng 'kết quả lý tưởng' của họ từ một cuộc hookup là một mối quan hệ lãng mạn; đàn ông có nhiều khả năng nói rằng kết quả lý tưởng của họ là có nhiều cuộc hookup hơn.

Khả năng bị lợi dụng tình dục (Sexual exploitability). Một loạt các nghiên cứu gần đây cho thấy rằng những người đàn ông có xu hướng tìm kiếm các mối quan hệ ngắn hạn đặc biệt bị thu hút bởi những phụ nữ cho thấy *dấu hiệu của sự lợi dụng tình dục* - những phụ nữ có thể dễ dàng bị dụ dỗ hoặc dễ dàng bị lừa dối để có một cuộc gặp gỡ tình dục ngắn hạn (Goetz và cộng sự., 2012). Các dấu hiệu về khả năng bị lợi dụng tình dục bao gồm dường như không trưởng thành, say xỉn, liêu lĩnh, tán tỉnh, buồn ngủ, mặc quần áo hở hang, và thể hiện một tư thế cơ thể gợi mở. Điều quan trọng là, đàn ông không hề thấy những dấu hiệu dễ lợi dụng tình dục này hấp dẫn chút nào trong một người bạn đời dài hạn tiềm năng. Và những người đàn ông có xu hướng theo đuổi mối quan hệ ngắn hạn tìm thấy những dấu hiệu này đặc biệt hấp dẫn, nhiều hơn đáng kể so với những người đàn ông theo đuổi chiến lược hẹn hò dài hạn (Lewis và cộng sự., 2014).

Can thiệp chiến lược và lừa dối tình dục. [“strategic interference / can thiệp chiến lược” trong bối cảnh tâm lý học xã hội và hẹn hò, thường liên quan đến sự xung đột hoặc mâu thuẫn giữa mục tiêu hoặc chiến lược của hai hoặc nhiều người. Điều này thường xảy ra khi mục tiêu hoặc mong muốn của một người cản trở hoặc làm xáo trộn kế hoạch hoặc mục tiêu của người khác]. Năm 1993, các nghiên cứu hệ thống về lừa dối tình dục chưa được tiến hành, nhưng SST đưa ra một dự đoán chính xác. Đàn ông hơn phụ nữ sẽ sử dụng lừa dối như một phương tiện để có được quyền truy cập tình dục ngắn hạn. Dự đoán này xuất phát từ Lý thuyết Can thiệp Chiến lược / Strategic Interference Theory (Buss, 1989a), đề xuất rằng những cảm xúc 'tiêu cực' như tức giận và buồn bã có chức năng cảnh báo cho cá nhân khi chiến lược gặp gỡ mà họ ưa thích đang bị chặn hoặc cản trở. Những cảm xúc này giúp đánh dấu sự kiện can thiệp trong ký ức và thúc đẩy hành động nhằm loại bỏ sự can thiệp hiện tại hoặc tránh những hình thức can thiệp trong tương lai. Các nghiên cứu thực nghiệm hỗ trợ dự đoán này về lừa dối tình dục (Haselton và cộng sự., 2005). Ba nghiên cứu thực nghiệm ở hai nền văn hóa khác nhau cho thấy rằng đàn ông có khả năng hơn phụ nữ để phóng đại độ sâu của cảm xúc và cam kết của họ để có được quyền truy cập tình dục ngắn hạn. Hơn nữa, phụ nữ bị lừa dối như vậy, so với đàn ông bị lừa dối theo những cách này, báo cáo rằng họ sẽ trải qua sự buồn bã cảm xúc mạnh mẽ, với kích thước hiệu ứng lớn (ds dao động từ +.67 đến +1.69).

Những mong muốn gặp gỡ ngắn hạn của đàn ông có được dịch thành hành vi gặp gỡ thực tế không? Những mong muốn gặp gỡ không thể tiến hóa trừ khi chúng được chuyển thành hành vi gặp gỡ thực tế một số lần. Trong các thí nghiệm hiện trường, nhiều đàn ông hơn phụ nữ đồng ý quan hệ tình dục khi được yêu cầu bởi một người lạ phái khác - 75% đàn ông so với 0% phụ nữ (Clark & Hatfield, 1989). Những phát hiện này đã được tái tạo một cách mạnh mẽ trong các thí nghiệm hành vi ở các nền văn hóa khác, bao gồm Đức, Ý và Đan Mạch (ví dụ, Hald & Høgh-Olesen, 2010; Schutzwohl và cộng sự., 2009). Ví dụ, Hald và

Høgh-Olesen (2010) tái tạo lại những phát hiện này ở Đan Mạch, với 59% đàn ông độc thân và 0% phụ nữ độc thân đồng ý với đề xuất, "Bạn có muốn ngủ với tôi không / Would you go to bed with me?"

Các nghiên cứu khác cũng chỉ ra biểu hiện của những mong muốn tình dục ngắn hạn của đàn ông trong hành vi thực tế. Đàn ông đã kết hôn có khả năng hơn phụ nữ đã kết hôn để mong muốn và thực sự có những cuộc tình ngoài luồng (ví dụ, xem Buss, 2016 để tổng kết). Đàn ông có cuộc tình ngoài luồng có khả năng hơn phụ nữ có cuộc tình ngoài luồng để có chúng với một số lượng lớn hơn các đối tác tình dục. Đàn ông trên toàn thế giới trở thành khách hàng của gái mại dâm, ngay cả ở những quốc gia bình đẳng tình dục nhất và tự do tình dục nhất trên thế giới như Thụy Điển, Đan Mạch và Na Uy. Thực tế, 99% những người mua dịch vụ tình dục của gái mại dâm là đàn ông. Nhiều đàn ông hơn phụ nữ trên các khuôn viên đại học tìm kiếm 'hookups' và 'bạn bè có lợi ích / friends with benefits - FWB*', cả hai đều là cuộc gặp gỡ tình dục thoáng qua với ít hoặc không có cam kết. Tóm lại, sự khác biệt giới tính lớn được SST đề cập trong tâm lý học của việc hẹn hò ngắn hạn thực sự được biểu hiện theo nhiều cách trong hành vi gặp gỡ thực tế.

**Friends With Benefits: hay được viết tắt là FWB, là một thuật ngữ trong tiếng Anh để mô tả một loại mối quan hệ giữa hai người, trong đó họ là bạn bè nhưng cũng có quan hệ tình dục với nhau mà không có cam kết tình cảm sâu đậm hay mong đợi một mối quan hệ lâu dài. Trong mối quan hệ này, cả hai bên thường duy trì mức độ gần gũi về mặt xã hội và tình bạn, đồng thời tham gia vào hoạt động tình dục, nhưng không phát triển mối quan hệ thành tình yêu hoặc hôn nhân. Chú thích ngoài bản gốc.*

Chiến lược Hẹn hò Dài hạn của Đàn ông

Con người nổi bật so với các loài linh trưởng khác vì đàn ông đôi khi dành rất nhiều thời gian và tài nguyên cho việc đầu tư vào con cái (Alexander & Noonan, 1979). Trong số khoảng 5.416 loài động vật có

vú, chỉ có 3-5% tham gia vào bất cứ thứ gì giống như các mối liên kết cặp hoặc hẹn hò cam kết dài hạn. Con người làm được. Lợi ích sinh sản tiềm năng mà tổ tiên nam giới con người sẽ thu được từ việc hẹn hò dài hạn chủ yếu là chiếm đoạt tất cả tài nguyên sinh sản suốt đời của một người phụ nữ. Lợi ích bổ sung bao gồm tăng tỷ lệ sống sót và thành công sinh sản của hậu duệ thông qua đầu tư của người cha, giảm xung đột trong hộ gia đình, và hình thành liên minh lâu dài có lợi với họ hàng của đối tác của mình (Henrich, Boyd, & Richerson, 2012).

SST (Buss & Schmitt, 1993) đã đề cập đến một số lợi ích bổ sung và các lực chọn lọc sẽ ủng hộ chiến lược hẹn hò dài hạn ở đàn ông, một danh sách sau đó được mở rộng bởi Buss (2015): (1) tăng khả năng thu hút người bạn đời, đặc biệt nếu phụ nữ yêu cầu cam kết trước khi đồng ý quan hệ tình dục; (2) khả năng thu hút một người bạn đời có giá trị cao tăng lên, bao gồm một người có chất lượng di truyền cao, nếu phụ nữ có giá trị bạn đời cao hơn yêu cầu mức độ cam kết cao hơn; (3) tăng độ chắc chắn về cha đẻ ở đứa con tiếp theo; (4) tăng tỷ lệ sống sót của hậu duệ thông qua việc bảo vệ, chu cấp và giáo dục xã hội (paternal socialization)* của người cha; (5) tăng thành công sinh sản của hậu duệ thông qua đầu tư của cha hoặc sự sắp xếp của người cha để tăng cơ hội cho con cái; (6) tăng địa vị xã hội, vì hôn nhân trong hầu hết các nền văn hóa mang lại uy tín cao; và (7) thu được đồng minh liên minh thông qua họ hàng của đối tác và các mạng lưới xã hội khác.

*"Paternal socialization" có thể được hiểu là quá trình giáo dục và hình thành nhân cách của con cái thông qua sự ảnh hưởng và tương tác của người cha. Trong ngữ cảnh này, "paternal" liên quan đến người cha, trong khi "socialization" nói đến quá trình học hỏi và thích nghi với các quy tắc, giá trị, và hành vi xã hội. Quá trình này bao gồm việc truyền đạt các giá trị, truyền thống, kỹ năng sống, và các bài học về cách ứng xử trong xã hội từ người cha sang con cái. Chú thích không có trong bản gốc, người biên tập đưa vào để dễ hiểu hơn.

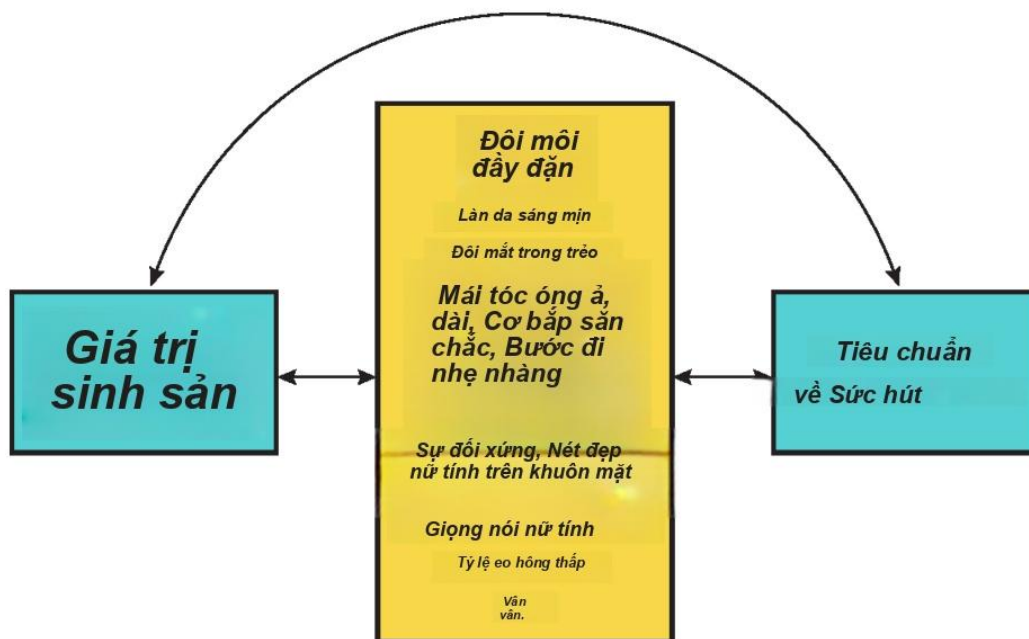
Đặt lên đối diện với những lợi ích tiềm năng này là một chi phí chính của việc hẹn hò dài hạn - chi phí cơ hội của những cơ hội tình dục bị bỏ qua.

Thời gian và tài nguyên được phân bổ chỉ cho một người bạn đời duy nhất ngăn chặn việc phân bổ nỗ lực để đảm bảo các mối quan hệ ngắn hạn hoặc thậm chí trung hạn. Lựa chọn có thể đã ưu tiên ở đàn ông những thích nghi để giảm thiểu những chi phí cơ hội này. Một chiến lược giảm thiểu sẽ là tìm kiếm các mối tình cơ hội khi chi phí và rủi ro thấp. Một chiến lược thứ hai sẽ là theo đuổi một chiến lược hẹn hò đa thê, cam kết dài hạn với hai hoặc nhiều phụ nữ. Trong ngữ cảnh này, đáng chú ý là các nghiên cứu tiết lộ rằng những người đàn ông đa thê, ngược lại với những người đàn ông đã kết hôn có địa vị thấp chỉ có một vợ, thường giảm thiểu đầu tư trực tiếp vào con cái [minimize direct paternal investment in children] (ví dụ, Hewlett, 1991).

Hẹn hò dài hạn thành công đòi hỏi đàn ông phải giải quyết hai vấn đề thích nghi cụ thể cho giới và ít nhất một vấn đề tương tự cho cả đàn ông và phụ nữ. Thách thức đầu tiên là xác định các bạn đời tiềm năng có giá trị sinh sản cao (Williams, 1975). Vấn đề này trở nên khó khăn do việc rụng trứng được che dấu hoặc tương đối kín đáo ở phụ nữ, trái ngược hoàn toàn với tinh tinh, người anh em linh trưởng gần nhất của con người. Thực tế, một số người giả thuyết rằng sự tiến hóa của việc rụng trứng bị che dấu là một trong những lực đẩy trong sự tiến hóa của việc hẹn hò cam kết dài hạn của con người (Alexander & Noonan, 1979). Thứ hai là giải quyết vấn đề về sự không chắc chắn về cha đẻ. Chọn lọc sẽ phản đối gay gắt việc đầu tư lớn từ người cha vào hậu duệ mà khả năng cao không phải là con của họ. Một vấn đề chính thứ ba là thiết lập một mối quan hệ dài hạn hợp tác lẫn nhau và có lợi ích lẫn nhau, đánh dấu bởi một số mức độ phân công lao động - một vấn đề thích nghi tương tự cho cả hai giới.

Xác định phụ nữ có giá trị sinh sản cao (reproductive value). Giá trị sinh sản, giống như khả năng sinh sản, không phải là một yếu tố chất lượng có thể được xác định trực tiếp ở con người. Tổ tiên của chúng ta có hai bộ dấu hiệu chính có thể quan sát được có liên quan xác suất với giá trị sinh sản - đặc điểm của vẻ ngoài thể chất và hành vi hiển thị. Một bộ

dấu hiệu là những cái liên quan đến tuổi trẻ tương đối. Một cô gái trẻ 17 tuổi, ví dụ vậy, có giá trị sinh sản cao hơn một người phụ nữ 27, 37 hoặc 47 tuổi, vì cô ấy có nhiều năm sinh sản trong *tương lai* hơn. Logic này dẫn đến một lý thuyết dựa trên tiến hóa về vẻ đẹp nữ và một loạt các dự đoán thực nghiệm cụ thể. Lý thuyết về vẻ đẹp, được đưa ra lần đầu tiên bởi Symons (1979), và sau đó được mở rộng bởi Buss (1987), Buss và Schmitt (1993), và nhiều người khác, được mô tả đồ họa trong Hình 1.



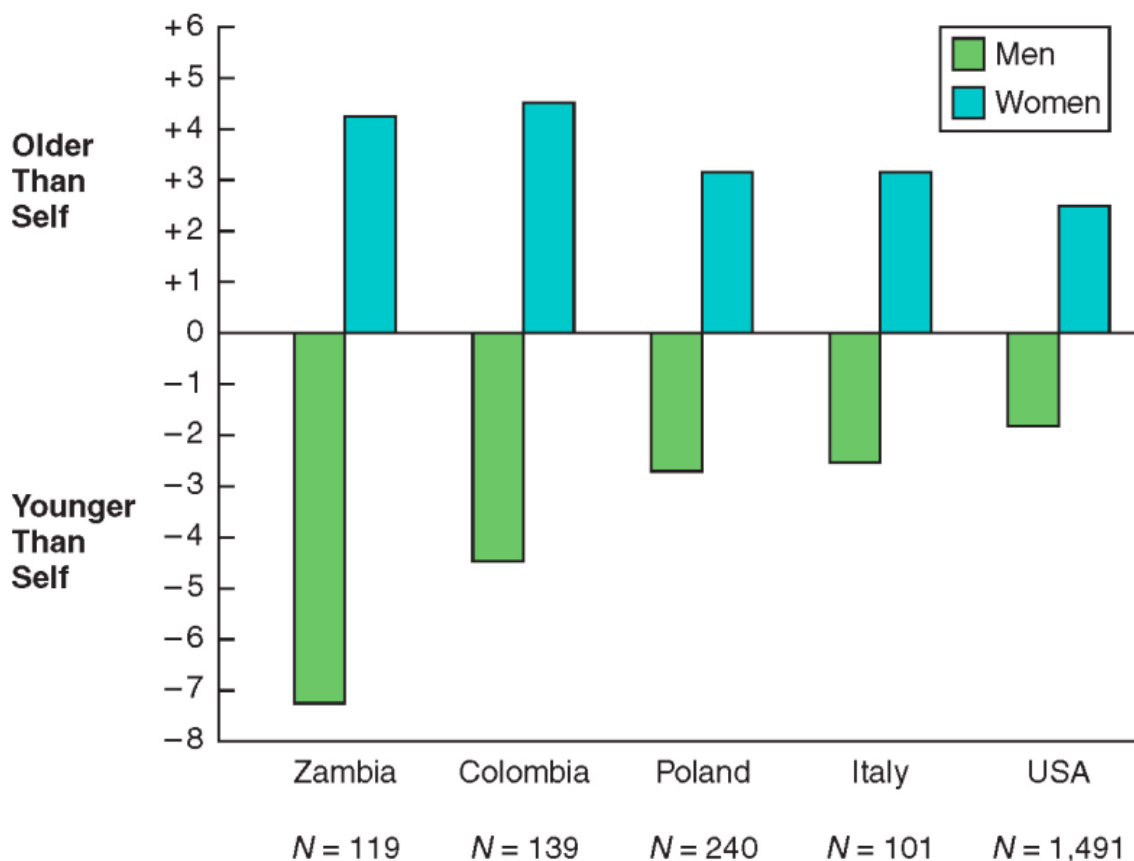
Hình 1. Lý thuyết tiến hóa về sự quyến rũ của phụ nữ. Những dấu hiệu có thể quan sát được từ tổ tiên có liên kết xác suất với giá trị sinh sản được cho là hình thành sự ưa chuộng đối tác lâu dài của nam giới và, nói chung hơn, là các tiêu chuẩn về sự quyến rũ của phụ nữ. Các mũi tên mô tả các mối tương quan được giả thuyết. Được chỉnh sửa từ Buss (1987), Hình 1.

-

Lý thuyết về vẻ đẹp này của phụ nữ đã được xác nhận bởi các nhà điều

tra độc lập (xem Sugiyama, 2005 để xem bài đánh giá). Các dấu hiệu đã được xác minh một cách thực nghiệm liên kết giá trị sinh sản và vẻ đẹp bao gồm: độ dài và chất lượng tóc của phụ nữ; da sáng mịn (skin clarity) và mềm mại; các đặc điểm khuôn mặt nữ tính phần nào do sản xuất estrogen như mỡ mặt, môi đầy, cằm nhỏ, hàm mỏng, và gò má cao; eo thon; tỷ lệ eo trên hông thấp (WHR / waist-to-hip ratio); vòng một săn chắc; chỉ số khối cơ thể (BMI) tương đối thấp; và nhiều yếu tố khác. Một nghiên cứu phát hiện rằng ngay cả những người đàn ông mù từ khi sinh cũng thích tỷ lệ eo so với hông thấp hơn (Karramens et al., 2010). Một nghiên cứu khác phát hiện rằng một biến tiềm ẩn mô tả giá trị sinh sản gần như hoàn hảo với một biến tiềm ẩn mô tả vẻ đẹp cơ thể của phụ nữ (Andrews et al., 2017). Các nghiên cứu theo dõi mắt trong phòng thí nghiệm cũng chứng minh sự hấp dẫn của nam giới đối với các dấu hiệu cơ thể về giá trị sinh sản (Garza et al., 2016). Ngán gọn, các dấu hiệu về tuổi tác tương đối trẻ là những dự đoán mạnh mẽ về sự đánh giá về sức quyến rũ của phụ nữ (female attractiveness).

Dự đoán khác là nam giới sẽ ưa chuộng và tìm kiếm những phụ nữ tương đối trẻ làm đối tác lâu dài. Dự đoán này đã được xác nhận trong hàng chục nền văn hóa (ví dụ, Buss, 1989b; Conroy-Beam & Buss, đang chờ in; Kenrick & Keefe, 1992). Một nghiên cứu về 37 văn hóa phát hiện rằng nam giới, trung bình, thích những phụ nữ tiềm năng làm vợ có độ tuổi khoảng ba năm trẻ hơn họ (xem Hình 2).



Hình 2. Các số trên thang đo chỉ số năm trẻ hơn hoặc lớn tuổi hơn so với bản thân. Nam giới ưa chuộng những người vợ tiềm năng trẻ hơn trong tất cả các văn hóa; sự ưa chuộng này đặc biệt mạnh trong các văn hóa đa thê như Zambia, nơi mà nam giới thường phải già đi trước khi họ có đủ tư cách và nguồn lực để kết hôn.

Liệu sự ưa chuộng tuổi tác có được chuyển thành hành vi ghép đôi thực tế không? Mặc dù một số người đã đặt câu hỏi liệu sự ưa chuộng đối tác có ảnh hưởng đến hành vi ghép đôi thực tế hay không (ví dụ, Eastwick et al., 2014), dữ liệu thực nghiệm rất mạnh mẽ cho thấy chúng có. Cô dâu trẻ hơn chú rể trong các văn hóa, trung bình khoảng ba năm vào lần kết hôn đầu tiên (Buss, 1989b). Khi nam giới lớn tuổi, và nếu họ ly hôn rồi tái hôn, nam giới sẽ kết hôn với những người phụ nữ càng

ngày càng trẻ hơn họ. Tại Hoa Kỳ, khoảng cách tuổi tác là khoảng ba năm vào lần kết hôn đầu tiên, năm năm vào lần kết hôn thứ hai, và tám năm vào lần kết hôn thứ ba (Guttentag & Secord, 1983). Những phát hiện này cũng mạnh mẽ theo thời gian xuất hiện, ví dụ, trong số liệu thống kê về hôn nhân trên đảo Poro một thế kỷ trước (Kenrick & Keefe, 1992). Ở Thụy Điển vào thế kỷ 19, các tài liệu nhà thờ tiết lộ rằng những người đàn ông tái hôn sau khi ly hôn đã kết hôn với những cô dâu trẻ hơn họ 10,6 tuổi (Low, 1991). Dữ liệu từ Na Uy từ một thế kỷ trước và một nửa từ năm 1851 đến năm 2002 tiết lộ những phát hiện tương tự (Conroy-Beam & Buss, đang chờ in). Dữ liệu về hôn nhân thực tế trên các nền văn hóa và theo thời gian ủng hộ giả thuyết rằng sự ưa chuộng tuổi tác của nam giới chuyển thành các quyết định kết hôn thực tế.

Một bộ dữ liệu chưa từng có liên quan đến vấn đề này đến từ một nghiên cứu về hôn nhân ở Hàn Quốc (Sohn, 2017). Một phần nhỏ của những cuộc hôn nhân này xảy ra thông qua một cơ chế không thường xuyên - một số nam giới mua vợ từ các nước đang phát triển. Mặc dù mẫu của những người đàn ông Hàn Quốc đã kết hôn với những người phụ nữ Hàn Quốc (N = 1.088.457) cho thấy khoảng cách tuổi tác thông thường vài năm, những người đàn ông Hàn Quốc mua vợ nước ngoài (N = 45.528) đã kết hôn với những người phụ nữ trẻ hơn nhiều, đạt đến hai thập kỷ trẻ hơn đối với những nhóm nam giới lớn tuổi. Trong một thị trường ghép đôi nơi mà nam giới có thể hành động theo sở thích của mình, họ thực sự chọn và kết hôn với những người phụ nữ trẻ hơn đáng kể.

Các dữ liệu hành vi khác cũng đi đến kết luận này (Conroy-Beam & Buss, đang chờ in). Trong các nghiên cứu về hẹn hò trực tuyến, nam giới tích cực tìm kiếm đối tác trẻ hơn. Phụ nữ trẻ hơn trong hẹn hò trực tuyến nhận được số lượng phản hồi từ nam giới nhiều hơn so với phụ nữ lớn tuổi. Tuổi tác của những cô dâu tiềm năng ảnh hưởng đến số tiền chi tiêu cho các phong tục trước hôn nhân trong các văn hóa như Kipsigis ở Kenya (Borgerhoff Mulder, 1990). Số tiền chi tiêu cho nhẫn

đỉnh hôn cao hơn đối với những người hôn thê trẻ hơn so với những người hôn thê lớn tuổi (Cronk & Dunham, 2007). Những người vợ trẻ hơn được bảo vệ nhiều hơn so với những người vợ lớn tuổi (Buss & Shackelford, 1997). Tóm lại, các dòng chứng cứ hội tụ từ nhiều nguồn dữ liệu sử dụng các phương pháp khác nhau, từ các nhà điều tra độc lập, từ hàng chục văn hóa khác nhau, và trong các khoảng thời gian kéo dài hàng thế kỷ xác nhận mạnh mẽ dự đoán rằng sự ưa chuộng tuổi tác được chuyển thành hành vi ghép đôi thực tế.

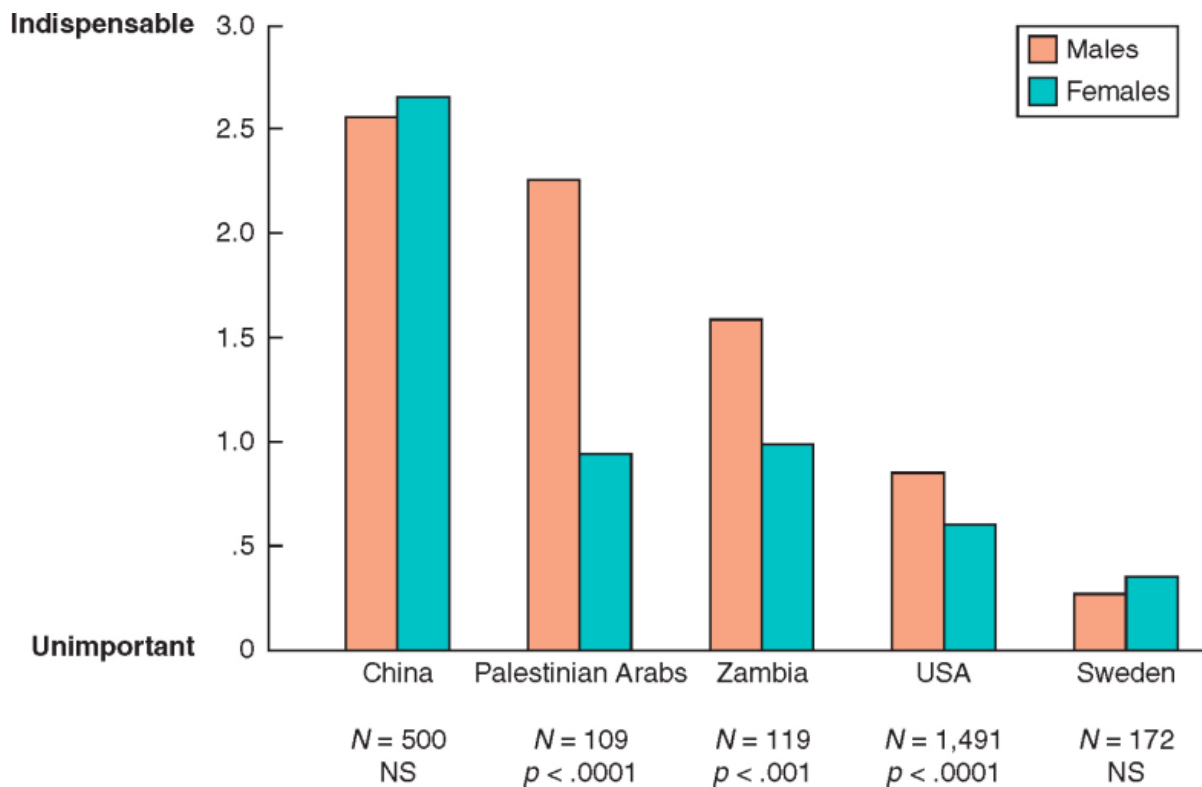
Vấn đề về sự không chắc chắn về cha đẻ. Bởi vì thụ tinh xảy ra bên trong cơ thể phụ nữ, sự chắc chắn về mẹ là 100%. Nam giới không bao giờ chắc chắn; sự chắc chắn về cha đẻ hầu như luôn ít hơn 100%, ít nhất là trước khi có các phương pháp kiểm tra DNA gần đây. Ước lượng về sự không chắc chắn về cha đẻ thực tế thay đổi theo nền văn hóa và từ nghiên cứu này sang nghiên cứu khác, nhưng phân tích tổng hợp đặt con số vào khoảng từ 1% đến 3,7% (Anderson, 2006; Voracek et al., 2008). Chi phí sinh sản cho nam giới tổ tiên, mức độ đầu tư nặng nề vào việc ghép đôi và nuôi dưỡng lâu dài sẽ trở nên thảm họa trừ khi họ đã tiến hóa các thích nghi tăng khả năng chắc chắn về cha đẻ. Một số thích nghi như vậy đã được đề xuất.

Ba thích nghi được giả thuyết từ SST tập trung vào (a) sự ưa chuộng đối tác về *trinh tiết*, hoặc không có kinh nghiệm trước đó trong quan hệ tình dục, (b) các dấu hiệu ưa chuộng dẫn đến *sự trung thành và lòng chung thủy sau khi ghép đôi*, và (c) cảm xúc *ghen tị tình dục* và các hành vi bảo vệ đối tác của nó.

Trinh tiết (virginity). Giả thuyết đầu tiên được đặt ra không tốt. Đối với sự ưa chuộng đối tác đã tiến hóa, nó phải liên quan đến một phẩm chất mà tổ tiên của chúng ta có thể thực sự quan sát hoặc đánh giá một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Không giống như những phẩm chất như tuổi tác (được đánh giá gần như chính xác qua hình dáng như da mịn so với da nhăn và hành vi như một dáng đi nhanh nhẹn so với một dáng đi chậm

rãi và cúi gối) và vẻ đẹp thể chất - những phẩm chất có thể được đánh giá với ít nhất một độ chính xác nào đó, mặc dù không hoàn hảo - còn trinh tiết không phải là một phẩm chất mà tổ tiên của chúng ta có thể quan sát hoặc đánh giá một cách đáng tin cậy. Không có dấu hiệu hành vi hoặc thể chất nào cho trinh tiết. Thậm chí các kiểm tra như soi màng trinh cũng vốn không đáng tin cậy; phụ nữ thay đổi rất nhiều về việc họ có màng trinh nguyên vẹn hay không và nhiều nguyên nhân khác ngoài quan hệ tình dục có thể làm rách màng trinh nguyên vẹn (ví dụ, qua việc cưỡi ngựa). Điều quan trọng nhất đối với nam giới để giải quyết vấn đề về sự không chắc chắn về cha đẻ có thể không phải là liệu một đối tác tiềm năng có là trinh nữ hay không, mà thay vào đó là liệu cô ấy có mang thai của người đàn ông khác vào thời điểm cam kết và sẽ duy trì sự chung thủy sau khi cam kết hay kết hôn hay không. Hành vi tình dục trước hôn nhân, thông qua quan sát hoặc danh tiếng, có thể dự đoán sự chung thủy về tình dục.

Có lẽ vì giả thuyết về trinh tiết có vấn đề về khái niệm (conceptually problematic), các bài kiểm tra thực nghiệm đã không thể sản sinh sự hỗ trợ toàn diện cho nó. Như được thể hiện trong Hình 3, các văn hóa khác nhau rất nhiều cả về độ lớn tuyệt đối của giá trị đặt vào trinh tiết, cũng như sự hiện diện (62% các văn hóa) hoặc vắng mặt (38% các văn hóa) của sự khác biệt giới tính. Tốt nhất, giả thuyết ban đầu về trinh tiết có thể được coi là chỉ được hỗ trợ yếu và không nhất quán. Những phát hiện này phủ nhận lời khẳng định thường lặp lại, nhưng thực tế không chính xác, rằng các giả thuyết tâm lý học tiến hóa vốn không thể bác bỏ (xem Confer et al., 2010, để thảo luận đầy đủ hơn về vấn đề này).



Hình 3. Giá trị đặt vào sự trinh tiết (không có quan hệ tình dục trước đó) trong một đối tác tiềm năng. Được điều chỉnh từ Buss & Schmitt (1993).

Chung thủy tình dục (Sexual fidelity). Ngược lại, có sự ủng hộ đáng kể hơn về giá trị mà nam giới đặt lên sự chung thủy tình dục trong mối quan hệ lâu dài. Nam giới đặt chung thủy tình dục ở vị trí đầu hoặc gần đầu danh sách các phẩm chất mong muốn trong một người vợ tiềm năng (Buss & Schmitt, 1993; Gil-Berman et al., 2002; Waynforth & Dunbar, 1995). Trên thang đánh giá từ -3 (rất không mong muốn) đến +3 (rất mong muốn), nam giới cho phẩm chất 'chung thủy / fidelity' +2.88 và 'chung thủy tình dục / sexually loyal' +2.85, hai phẩm chất được đánh giá cao nhất trong một người bạn đời lâu dài trong số 67 phẩm chất được đánh giá (Buss & Schmitt, 1993). Ở phía đối diện, nam giới đánh giá 'không chung thủy / unfaithful' -2.93 và 'ngủ với nhiều người / sleeps around a lot' -2.79, hai phẩm chất không mong muốn nhất trong một người bạn đời lâu dài tiềm năng. Nam giới rõ ràng đánh giá và ước lượng mức độ hoạt động tình dục của một người phụ nữ trước khi cam kết lâu dài - hành vi mà có thể đã được quan sát hoặc biết thông qua

danh tiếng xã hội trong cuộc sống nhóm nhỏ của tổ tiên chúng ta. Hành vi trong quá khứ là một dấu hiệu tốt về hành vi trong tương lai, và có một số lượng lớn các đối tác tình dục trước khi kết hôn là một dấu hiệu thống kê về sự không chung thủy sau khi kết hôn (Buss, 2016).

Ghen tị tình dục (Sexual jealousy). Cảm xúc ghen tị tình dục đã được giả thuyết là một sự thích nghi để giải quyết vấn đề không chắc chắn về cha đẻ ở nam giới (Buss et al., 1992). Các thử nghiệm thực nghiệm đã xác nhận giả thuyết này bằng nhiều phương pháp, bao gồm các lựa chọn dilemmas [*chỉ những tình huống khó khăn mà trong đó có sự lựa chọn giữa hai hoặc nhiều phương án, mỗi phương án đều có những hậu quả hoặc kết quả không mong muốn*], các biện pháp tự báo cáo liên tục, thí nghiệm với ghi nhớ và tốc độ xử lý, thí nghiệm phòng thí nghiệm sử dụng tải công việc nhận thức, báo cáo sau khi trải qua sự phản bội thực tế, và các kỹ thuật fMRI (xem Buss 2015, và Edlund & Sagarin, 2017 cho các bản tóm tắt gần đây).

Những phát hiện này không bị phủ nhận. Một số người đã tranh cãi rằng chúng là hiện tượng phụ thuộc vào phương pháp. Người khác đã tranh cãi rằng các phát hiện được giải thích tốt hơn bằng các lý thuyết thay thế, chẳng hạn như lý thuyết gắn kết (attachment theory) hoặc các lý thuyết nhận thức xã hội nói chung (domain-general social-cognitive theories). Những thách thức này đã được bác bỏ thành công. Các phát hiện phù hợp trên nhiều phương pháp, không giới hạn ở một phương pháp duy nhất. Một thí nghiệm đã cho thấy rằng các phát hiện biến mất dưới tải công việc nhận thức (deSteno et al., 2002) thực sự phát hiện ra rằng chúng không biến mất (Barrett et al., 2006). Và các lý thuyết thay thế không thể giải thích nhiều tính năng thiết kế của sự ghen tị tình dục ở nam giới đã được ghi nhận thực nghiệm (ví dụ, Buss & Haselton, 2005).

Bảo vệ bạn đời và các chiến lược duy trì bạn đời, từ sự cảnh giác đến bạo lực, đã được giả thuyết là kết quả hành vi của sự thích nghi với sự

ghen tị tình dục (Buss & Shackelford, 1997). Các tính năng thiết kế được giả thuyết bao gồm tăng cường bảo vệ bạn đời (a) là một chức năng của xác suất phản bội tình dục được nhận biết, (b) là một chức năng của tuổi trẻ và do đó giá trị sinh sản của đối tác nữ, và (c) là một chức năng của sự khác biệt giá trị bạn đời.

Mặc dù bài đánh giá này đã tập trung vào các vấn đề thích nghi khác biệt giới tính mà nam giới đã đối mặt trong hẹn hò lâu dài, một số vấn đề thích nghi quan trọng đối với cả phụ nữ và nam giới. Những vấn đề này bao gồm việc chọn một đối tác sẽ là một người hợp tác tốt, một đối tác lâu dài đáng tin cậy, và một đối tác lâu dài khỏe mạnh. Các mức độ tương đồng tình dục cao được tiết lộ trong nghiên cứu 37 nền văn hóa - về lòng tốt, tính đáng tin cậy, và sức khỏe tốt - ủng hộ những giả thuyết tương đồng này trong việc chọn bạn đời.

Chiến lược Hẹn hò Dài hạn của Phụ nữ

Với những mong muốn tiến hóa của nam giới về đa dạng tình dục, hầu hết phụ nữ có sẵn cho họ một loạt các đối tác ngắn hạn tiềm năng, bao gồm nhiều người có giá trị bạn đời cao. Vì hầu hết phụ nữ có thể đảm bảo được một người đàn ông có giá trị bạn đời cao hơn trong bối cảnh hẹn hò ngắn hạn so với hẹn hò lâu dài, tại sao phụ nữ lại tìm kiếm một người bạn đời lâu dài? SST xác định ba lợi ích tiềm năng mà phụ nữ tổ tiên có thể thu được: (a) tình trạng và nguồn lực kinh tế cho bản thân và con cái của mình, (b) sự bảo vệ thể chất cho bản thân và con cái của mình, và (c) thành công giao phối tăng lên của hậu duệ của cô ấy như một hệ quả của lợi ích xã hội và vật chất. Chi phí chính (primary costs) cho phụ nữ từ việc hẹn hò cam kết lâu dài, giống như chi phí chính cho nam giới, là chi phí cơ hội của việc từ bỏ một số hoặc tất cả các cuộc hẹn hò ngắn hạn và các lợi ích tiềm năng mà chúng có thể mang lại.

Sự tiến hóa của sở thích bạn đời cho những phẩm chất này đã yêu cầu ít nhất hai điều kiện thường xuyên. Đầu tiên, nam giới sẽ phải thay đổi trong *khả năng (ability)* cung cấp những nguồn lực như vậy và trong các

dấu hiệu đáng tin cậy về khả năng đó. SST đã xác định ba dấu hiệu như vậy trong các bạn đời tiềm năng - tham vọng (ambition), chăm chỉ (industriousness), và tình trạng xã hội (social status). Thứ hai, nam giới sẽ phải *sẵn lòng (willing)* đầu tư những nguồn lực đó vào một người phụ nữ cụ thể. Mặc dù công thức ban đầu của SST (Buss & Schmitt, 1993) không xác định các dấu hiệu tiềm năng về sự sẵn lòng cam kết của một người đàn ông, nhưng nghiên cứu khác đã xác định cảm xúc của tình yêu là một tín hiệu mạnh mẽ của sự cam kết như vậy (Buss, 1988b, đang chờ in).

Nguồn lực kinh tế (economic resources). Sở thích của phụ nữ với những người đàn ông có nguồn lực kinh tế đã được hỗ trợ phong phú bởi hàng chục nghiên cứu. Nghiên cứu 37 nền văn hóa đã phát hiện ra rằng, so với nam giới, phụ nữ đánh giá cao những người bạn đời lâu dài có 'triển vọng tài chính tốt' nhiều hơn (Buss, 1989a). Sự phổ biến của sở thích bạn đời này kéo dài qua các nền văn hóa với các hệ thống hẹn hò khác nhau (giả định là một vợ một chồng so với đa thê), các mức độ khác nhau của bình đẳng giới tính về kinh tế (ví dụ, Thụy Điển so với Iran), và các định hướng tôn giáo khác nhau (ví dụ, Hồi giáo, Do Thái, Kitô giáo, vô thần).

Các phát hiện đã được tái tạo với nhiều phương pháp trên hàng chục nền văn hóa. Trong các nghiên cứu về 'phân vị tối thiểu' mà mọi người sẽ chấp nhận trong một người bạn đời lâu dài, phụ nữ đặt khả năng kiếm sống ở phân vị* thứ 70, trong khi nam giới đặt nó ở phân vị thứ 40 (Kenrick et al., 1990).

*Phân vị (percentile): là một khái niệm thống kê dùng để mô tả vị trí của một giá trị trong một tập hợp dữ liệu. Khi một giá trị nằm ở một percentile cụ thể, nó có nghĩa là giá trị đó lớn hơn một tỷ lệ phần trăm nhất định của tất cả các giá trị trong tập hợp dữ liệu đó. Ví dụ, nếu bạn có điểm số trong một bài kiểm tra là ở 90th percentile, điều này có nghĩa là điểm số của bạn cao hơn 90% điểm số của những người khác tham gia bài kiểm tra đó. Nói cách khác, chỉ có 10% số người tham gia có điểm số

cao hơn bạn. Chú thích không có trong bản gốc, người biên tập đưa vào để rõ nghĩa hơn.

Wang et al. (2018) đã hỏi nam giới và phụ nữ từ Trung Quốc, Hoa Kỳ, và Châu Âu để đánh giá sự hấp dẫn của các cá nhân giới tính khác, thí nghiệm thay đổi thông tin thể chất và kinh tế (tức là lương) về các mục tiêu. Trên tất cả các nền văn hóa, phụ nữ khoảng một nghìn lần nhạy cảm hơn với lương khi đánh giá nam giới so với nam giới khi đánh giá phụ nữ. Một nghiên cứu sâu về Hadza, một nhóm săn bắt-trồng trọt truyền thống sống ở Tanzania, phát hiện ra rằng phụ nữ đặt rất nhiều tầm quan trọng vào khả năng kiếm ăn của một người đàn ông, chủ yếu là khả năng săn bắn và cung cấp thịt (Marlowe, 2004).

Tham vọng, chăm chỉ, và tình trạng xã hội. Sự khác biệt giới tính trong sở thích bạn đời cho các dự đoán chính về nguồn lực kinh tế không hoàn toàn phổ biến trên các văn hóa. Mục kết hợp 'tham vọng và chăm chỉ' đã cho thấy sự khác biệt giới tính đáng kể ở 29 trong số 37 văn hóa được lấy mẫu (Buss, 1989a). Tuy nhiên, phụ nữ ở tất cả các văn hóa đều đặt một giá trị tương đối cao vào phẩm chất này, thường đưa nó trên mức 2 trên thang 0–3, nơi 3 chỉ đến phẩm chất 'không thể thiếu.' Ví dụ, phụ nữ Nigeria đưa nó ở mức 2.61, phụ nữ Trung Quốc 2.63, phụ nữ Iran 2.81, phụ nữ Estonia 2.46, phụ nữ Ý 2.07, và phụ nữ Thụy Điển 2.04.

Tình yêu và lòng tốt như các chỉ số của sự sẵn lòng cam kết. Cảm xúc tình yêu đã được giả thuyết là một thiết bị đo mức độ cam kết bạn đời đã tiến hóa (Buss, 1988b, đang chờ in; Frank, 1988). Tình yêu hóa ra là một đặc điểm phổ quát của con người (Jankowiak, 1997). Trên các nền văn hóa, mọi người hát những bài hát tình yêu, trốn đi cùng người mình yêu mặc dù bị cha mẹ phản đối trong các xã hội có hôn nhân sắp đặt (arranged marriages), và báo cáo nỗi đau và khát khao cá nhân khi bị tách rời khỏi người mình yêu. Các hành động cam kết nguồn lực liên

quan đến sinh sản đứng đầu danh sách các hành động yêu thương tiêu biểu nhất (Buss, 1988b). Những hành động này bao gồm việc từ bỏ mối quan hệ lãng mạn với người khác, nói về hôn nhân, và bày tỏ mong muốn có con. Các báo cáo về trải nghiệm tình yêu dự đoán mạnh mẽ cảm giác cam kết chủ quan (subjective commitment), nhiều hơn nhiều so với cảm giác ham muốn tình dục [sexual desire] (Gonzaga et al., 2008).

Phụ nữ cũng ưu tiên lòng tốt (kindness) trong một người bạn đời lâu dài. Nghiên cứu tuwf 37 nền văn hóa đã phát hiện ra rằng biến số "tốt bụng và thông cảm" được đặt ở vị trí đầu hoặc gần đầu các sở thích bạn đời trong tất cả các nền văn hóa (Buss et al., 1990). Các nghiên cứu sau đó đã đưa ra một bước tiến khoa học quan trọng trong việc ghi nhận rằng phụ nữ ưu tiên các bạn đời là tốt bụng và đáng tin cậy đặc biệt đối với bản thân họ và gia đình họ, nhưng mức độ thấp hơn nhiều khi lòng tốt được hướng về các cá nhân khác (Lukaszewski & Roney, 2010). Giống như tình yêu, những sở thích bạn đời cụ thể này gợi ý một sự sẵn lòng cam kết với một người phụ nữ cụ thể và họ hàng huyết thống của cô ấy thay vì một đặc điểm chung của lòng tốt không phân biệt.

Bảo vệ (protection). Phụ nữ và con cái của họ trong lịch sử đã đối mặt với nguy hiểm từ các loài săn mồi, và có thể nghiêm trọng hơn từ các loài đồng loại hung hãn, đặc biệt là nam giới. Các mối nguy hiểm bao gồm tổn thương thể chất và tấn công tình dục. Một người bạn đời lâu dài có thể hoạt động hiệu quả như một vệ sĩ, cả việc ngăn chặn các kẻ tấn công tiềm năng và khi cần thiết trực tiếp đẩy lùi các mối đe dọa và nguy hiểm ngay lập tức. Các phẩm chất tạo nên một người bạn đời tiềm năng là một vệ sĩ hiệu quả bao gồm sức mạnh đáng gờm, kích thước, khả năng thể thao, và lòng dũng cảm trước nguy hiểm.

Sở thích của phụ nữ trong việc chọn bạn đời dường như thể hiện những dấu hiệu này. Phụ nữ cho rằng đàn ông thấp bé là không mong muốn cho cả mối quan hệ ngắn hạn hay dài hạn (Buss & Schmitt, 1993).

Ngược lại, phụ nữ thấy rất mong muốn một người đàn ông có tiềm năng trở thành bạn đời là người cao lớn, mạnh mẽ và thể thao. Một nghiên cứu về phụ nữ từ Anh và Sri Lanka đã tìm thấy sự ưu tiên mạnh mẽ cho những hình mẫu nam giới có cơ bắp và thon gọn (lean). Phụ nữ thích và tìm thấy sự hấp dẫn ở những người đàn ông có hình dáng "V", tức là vai rộng so với hông (Hughes & Gallup, 2003). Phụ nữ đặc biệt sợ tội phạm thậm chí có sự ưu tiên rất cao cho những người bạn đời dài hạn có thể hình oai vệ, mạnh mẽ (physically formidable).

Những người đàn ông cao lớn luôn được xem là hấp dẫn hơn như những người hèn hò và bạn đời so với những người đàn ông thấp bé hoặc trung bình (Courtiol, Ramond, Godelle, & Ferdy, 2010). Hai nghiên cứu về quảng cáo tìm bạn đời đã tiết lộ rằng, trong số những phụ nữ nói về chiều cao, 80 phần trăm muốn một người đàn ông có chiều cao 6 feet (~183cm, *chiều cao nam giới trung bình ở Hoa Kỳ vào khoảng 176cm, chú thích ngoài bản gốc*) trở lên (Pierce, 1996). Quảng cáo tìm bạn đời do những người đàn ông cao lớn tạo ra nhận được nhiều phản hồi từ phụ nữ hơn so với những người đàn ông thấp hơn. Một nghiên cứu về số lượng "lượt xem" nhận được từ 1.168 quảng cáo tìm bạn đời ở Ba Lan đã phát hiện ra rằng chiều cao của một người đàn ông là một trong bốn yếu tố dự đoán mạnh nhất về số lượng phụ nữ phản hồi quảng cáo của nam giới (những yếu tố khác là trình độ học vấn, tuổi tác và tài nguyên/nguồn lực tài chính; Pawlowski & Koziel, 2002). Những người đàn ông cao lớn được nhìn nhận là có tính chủ động hơn, hèn hò nhiều hơn và có nhiều khả năng có những người bạn đời đẹp hơn so với những người đàn ông thấp hơn (xem Brewer & Riley, 2009, để xem bài đánh giá).

Phụ nữ giải quyết vấn đề bảo vệ ít nhất một phần bằng cách ưu tiên chọn một người bạn đời có tầm vóc, sức mạnh và khả năng chống chọi. Những phẩm chất thể chất này cũng đóng góp vào việc giải quyết những vấn đề thích ứng khác như việc thu hút tài nguyên và gen cho sức khỏe tốt, vì sự cao lớn cũng được liên kết với tình trạng, thu nhập,

đặc điểm đối xứng và sức khỏe tốt (Brewer & Riley, 2009).

Liệu sự ưu tiên của phụ nữ có được chuyển dịch thành hành vi hẹn hò thực tế không? Trong một nghiên cứu về hẹn hò nhanh, phụ nữ có khả năng chọn những người đàn ông cho biết họ đã lớn lên trong một khu dân cư giàu có (Hitch et al., 2010). Một nghiên cứu khác về 382 người hẹn hò nhanh phát hiện ra rằng phụ nữ có khả năng hơn nam giới chọn những người hẹn hò có mức thu nhập và trình độ học vấn cao hơn (Asendorpf et al., 2011; xem cũng Li & Meltzer, 2015). Một nghiên cứu về những cô dâu gửi thư từ Colombia, Philippines và Nga phát hiện ra rằng phụ nữ tích cực tìm kiếm những người đàn ông có tình trạng và tham vọng cao hơn (Minervini & McAndrew, 2006). Một nghiên cứu về 2.956 người Israel sử dụng dịch vụ hẹn hò trên máy tính phát hiện ra rằng phụ nữ, nhiều hơn nam giới, tìm kiếm những người bạn đời có xe hơi riêng, có tình trạng kinh tế tốt và coi trọng sự nghiệp của họ (Bokek-Cohen et al., 2008). Ở Kipisigis của Kenya, phụ nữ và cha mẹ của họ ưu tiên chọn những người đàn ông có những mảnh đất lớn (Borgerhoff Mulder, 1990). Và những người đàn ông mà phụ nữ chọn để kết hôn, so với những người đàn ông cùng tuổi không kết hôn, luôn có thu nhập cao hơn (Buss, 2016).

Phụ nữ hành động dựa trên những ưu tiên này cho người bạn đời dài hạn, thực sự chọn những người đàn ông có tình trạng và tài nguyên cao, có trải qua thành công sinh sản lớn hơn không? Có bằng chứng cho thấy phụ nữ kết hôn với những người đàn ông giàu hơn, có tình trạng cao hơn có nhiều con và con sống sót nhiều hơn (Nettle & Pollet, 2008). Ví dụ, trong một nghiên cứu về Phần Lan trước công nghiệp vào thế kỷ 1700, phụ nữ kết hôn với những người đàn ông giàu có sinh nhiều con hơn và tỷ lệ sống sót của trẻ em tốt hơn so với phụ nữ kết hôn với những người đàn ông nghèo (Pettay et al., 2007). Fieder và Huber (2007) phát hiện ra việc kết hôn với một người đàn ông lớn hơn bốn tuổi được liên kết với mức độ sinh sản tối đa ở phụ nữ, điều này khớp chặt với những gì phụ nữ nói là người bạn đời lý tưởng dài hạn

của họ (Buss, 1989; Kenrick & Keefe, 1992).

Một nghiên cứu xuyên văn hóa về nguyên nhân của việc ly hôn phát hiện ra rằng việc hỗ trợ kinh tế không đủ, bao gồm thức ăn, nhà ở và quần áo không đủ, là nguyên nhân gây ly hôn liên quan đến giới tính (Betzig, 1989). Trong khi không có xã hội nào, việc một người phụ nữ không cung cấp tài nguyên kinh tế là lý do để ly hôn. Những ưu tiên về người bạn đời của phụ nữ cho các tiêu chí tài nguyên kinh tế và tình trạng xã hội trong mối quan hệ dài hạn được chuyển dịch thành hành vi hẹn hò, bắt cặp thực tế, từ những quyết định chọn lựa trong hẹn hò nhanh đến kết quả sinh sản thực tế, cho đến nguyên nhân của việc ly hôn. Cũng như với sự ưu tiên của nam giới, sự ưu tiên của người bạn đời ở phụ nữ cũng quan trọng trong thị trường hẹn hò thế giới thực.

Ảnh hưởng cụ thể của ngữ cảnh đối với Chiến lược Tình dục

Chiến lược tình dục được dự đoán sẽ rất nhạy cảm với ngữ cảnh. Một khía cạnh của sự nhạy cảm này tập trung vào sự thay đổi chiến lược theo các phẩm chất cá nhân như giá trị bạn đời và chiến lược lịch sử cuộc đời, điều kiện xã hội như tỷ lệ giới tính hoạt động, điều kiện sinh thái như sự xuất hiện của ký sinh trùng, và điều kiện văn hóa như các chuẩn mực phổ biến (prevailing norms) xung quanh hành vi tình dục. Chúng tôi sẽ nêu bật một số thay đổi ngữ cảnh quan trọng này.

Giá trị bạn đời của phụ nữ và hẹn hò dài hạn. Phụ nữ trẻ và hấp dẫn về mặt thể chất có nhiều lựa chọn hẹn hò hơn và có thể trở nên kén chọn hơn trong việc lựa chọn của họ. Nhưng liệu giá trị bạn đời của một người phụ nữ có ảnh hưởng đến sở thích bạn đời của cô ấy không? Little và các đồng nghiệp có 71 phụ nữ tự đánh giá bản thân về cảm nhận sức hấp dẫn thể chất của chính họ và sau đó cho họ xem những bức ảnh của khuôn mặt nam giới thay đổi theo kích thước nam tính - nữ tính (Little, Penton-Voak, Burt, & Perrett, 2002). Sự hấp dẫn thể chất tự đánh giá của phụ nữ được liên kết một cách đáng kể với sự hấp dẫn đối với khuôn mặt nam tính. Phụ nữ tự nhận mình hấp dẫn về mặt thể chất

cũng cho thấy sự ưu tiên nổi bật hơn đối với những người đàn ông hiền thị nam tính bằng giọng nói thấp (Pisanski & Feinberg, 2013).

Những nghiên cứu về quảng cáo hẹn hò tại Canada, Hoa Kỳ, Croatia và Ba Lan tìm thấy rằng phụ nữ có giá trị bạn đời cao hơn đã chỉ định một danh sách dài hơn các đặc tính mà họ tìm kiếm hoặc yêu cầu ở một người bạn đời tiềm năng so với phụ nữ có giá trị bạn đời thấp hơn (Pawlowski & Dunbar, 1999). Kết quả tương tự đã được tìm thấy ở Brazil và Nhật Bản. Hơn nữa, những phụ nữ tự nhận mình cao hơn về giá trị bạn đời có xu hướng đặt tiêu chuẩn tối thiểu cao hơn về những gì họ yêu cầu từ một người bạn đời dài hạn trên nhiều đặc tính khác nhau, đặc biệt là tình trạng xã hội, trí tuệ và các tiêu chí hướng tới gia đình [family orientation] (Regan, 1998). Một nghiên cứu ở Croatia về 885 người phát hiện ra rằng những phụ nữ có đánh giá về sự hấp dẫn thể chất của bản thân cao hơn ưu tiên mức độ học vấn, trí tuệ, sức khỏe tốt, triển vọng tài chính tốt, vẻ ngoài đẹp và tình trạng xã hội thuận lợi ở một người bạn đời tiềm năng (Tadinac & Hromatko, 2007).

Một nghiên cứu tại Hoa Kỳ yêu cầu những người phỏng vấn đánh giá 107 phụ nữ về khuôn mặt, cơ thể và sự hấp dẫn tổng thể (Buss & Shackelford, 2008). Những phụ nữ hấp dẫn thể hiện mong muốn mức độ cao hơn của "chỉ số gen tốt" được giả định như nam tính, hấp dẫn thể chất, hấp dẫn tình dục và thể dục thể thao. Họ cũng thể hiện mong muốn lớn hơn về thu nhập tiềm năng của một người bạn đời, những phẩm chất làm cha mẹ tốt như tình yêu thương trẻ em, và những chỉ số người bạn đời tốt như là một đối tác tình yêu. Một nghiên cứu về hẹn hò nhanh được tiến hành ở Đức đã xem xét những lựa chọn bạn đời thực tế do phụ nữ thực hiện (Todd, Penke, Fasolo, & Lenton, 2007). Những phụ nữ có đánh giá về sự hấp dẫn thể chất của bản thân cao thực sự chọn những người đàn ông có độ hấp dẫn tổng thể cao, một điểm số tổng hợp bao gồm giàu có và tình trạng xã hội, hướng gia đình, vẻ ngoài, hấp dẫn và sức khỏe. Những phụ nữ hấp dẫn rõ ràng muốn có tất

cả (Attractive women apparently want it all).

Giá trị bạn đời của nam giới và hẹn hò dài hạn. Mặc dù hầu hết nam giới đều đặt giá trị vào tuổi trẻ và vẻ đẹp trong một người bạn đời, không phải tất cả nam giới đều thành công trong việc đạt được những mong muốn của mình. Nam giới thiếu trạng thái xã hội tốt và tài nguyên mà phụ nữ muốn gặp khó khăn nhất trong việc thu hút những phụ nữ như vậy và có thể phải chấp nhận [chọn những người có] ít hơn so với người bạn đời lý tưởng của họ. Bằng chứng đến từ những người đàn ông trong lịch sử có thể có được chính xác những gì họ muốn - vua, hoàng đế và những người đàn ông có trạng thái xã hội cao. Ví dụ vào những năm 1700 và 1800, những người đàn ông giàu có từ Krummerhorn của Đức kết hôn với những cô dâu trẻ hơn so với những người đàn ông thiếu tài chính (Volland & Engel, 1990). Những người đàn ông có trạng thái xã hội cao từ những nông dân Na Uy trong những năm 1700 đến 1900 đến Kipsigis ở Kenya thường xuyên kết hôn với những cô dâu trẻ hơn so với những đồng nghiệp có tình trạng xã hội thấp hơn họ (Borgerhoff Mulder, 1988; Røskoft, Wara, & Viken, 1992).

Các vị vua và độc tài thường tập trung vào hậu cung của họ những phụ nữ trẻ, quyến rũ, gợi cảm và thường xuyên quan hệ tình dục với họ (Betzig, 1992). Ví dụ hoàng đế Morocco Moulay Ismail, người khát máu, đã sinh ra 888 đứa trẻ. Hậu cung của ông bao gồm 500 phụ nữ. Nhưng khi một phụ nữ đạt đến tuổi 30, cô ấy bị loại khỏi hậu cung của hoàng đế, được gửi đến hậu cung của một lãnh đạo cấp thấp hơn và thay thế bằng một phụ nữ trẻ hơn. Hoàng đế La Mã, Babylon, Ai Cập, Incan, Ấn Độ và Trung Quốc đều chia sẻ sở thích của Hoàng đế Ismail và yêu cầu người quản lý của họ tìm kiếm những phụ nữ trẻ đẹp trên toàn quốc.

Mô hình hôn nhân ở Hoa Kỳ ngày nay xác nhận dự đoán từ SST rằng những người đàn ông có tài nguyên là những người có khả năng thực hiện được sở thích của họ. Những người đàn ông giàu có như CEO doanh nghiệp, ngôi sao rock và diễn viên nổi tiếng thường chọn vợ trẻ

hơn một hoặc hai thập kỷ, trong khi những phụ nữ có địa vị tương tự không làm như vậy (Conroy-Beam & Buss, đang in; Kenrick & Keefe, 1992). Một số nghiên cứu xã hội học đã xem xét ảnh hưởng của địa vị nghề nghiệp của một người đàn ông đối với sự quyến rũ về hình thể của người phụ nữ mà anh ta cưới (xem Buss, 2016, để xem tổng quan). Tất cả đều đưa ra kết luận tương tự rằng những người đàn ông có địa vị cao có xu hướng cưới những người phụ nữ trẻ hơn và hấp dẫn hơn về mặt hình thể so với những người đàn ông có địa vị thấp (Von Rueden, Gurven, & Kaplan, 2010).

Những người đàn ông có địa vị và thu nhập cao nhận biết được khả năng của mình để thu hút những người phụ nữ hấp dẫn hơn. Trong một nghiên cứu về dịch vụ hẹn hò trực tuyến bao gồm 1.048 người đàn ông Đức và 1.590 người phụ nữ Đức, Karl Grammer đã phát hiện ra rằng khi thu nhập của người đàn ông tăng lên, họ tìm kiếm những đối tác trẻ hơn (xem Buss, 2016). Mỗi sự tăng thu nhập đều đi kèm với sự giảm tuổi của người phụ nữ được tìm kiếm. Những người đàn ông có giá trị bạn đời cao thể hiện sự ưu tiên mạnh mẽ hơn đối với những người phụ nữ có khuôn mặt nữ tính - một yếu tố liên quan chặt chẽ đến sự hấp dẫn (Burriss, Welling, & Puts, 2011). Cuối cùng, một thí nghiệm đã cho thấy những người đàn ông đã chiến thắng trong một cuộc thi video game thể hiện sự ưu tiên mạnh mẽ hơn đối với nét nữ tính trên khuôn mặt của phụ nữ so với những người đàn ông thua cuộc, điều này cho thấy rằng ngay cả sự tăng cấp tạm thời về địa vị cũng có thể khiến người đàn ông nâng cao tiêu chuẩn hẹn hò của mình.

Giá trị bạn đời và chiến lược hẹn hò ngắn hạn của nam giới. Một ngữ cảnh có thể ảnh hưởng đến việc hẹn hò ngắn hạn là giá trị bạn đời. Thang đo thành công hẹn hò tự nhận thấy (Landolt, Lalumiere, & Quinsey, 1995) đánh giá giá trị bạn đời. Một số mục từ thang đo này là: "người khác giới chú ý đến tôi"; "tôi nhận được nhiều lời khen từ người khác giới"; "người khác giới bị thu hút bởi tôi"; và "so với nhóm bạn bè của tôi, tôi có thể hẹn hò dễ dàng."

Điểm số trên thang đo giá trị bạn đời được tương quan với lịch sử tình dục tự báo cáo của người tham gia. Kết quả khác biệt rõ rệt giữa các giới tính. Những người đàn ông có giá trị bạn đời cao, so với những người có giá trị bạn đời thấp hơn, có xu hướng quan hệ tình dục ở tuổi trẻ hơn, có nhiều đối tác tình dục hơn kể từ tuổi dậy thì, nhiều đối tác hơn trong năm qua, nhiều lời mời tình dục hơn trong ba năm qua, quan hệ tình dục thường xuyên hơn và cảm giác mạnh mẽ hơn về việc không cần phải gắn bó với một người trước khi quan hệ tình dục. Những người đàn ông có giá trị bạn đời cao có xu hướng đạt điểm cao hơn trong Bảng đánh giá Định hướng Xã hội tình dục [Sociosexual Orientation Inventory] (Clark, 2006), cho thấy họ đang theo đuổi một chiến lược hẹn hò ngắn hạn. Những người đàn ông có địa vị và tài nguyên cao thường có một số lượng lớn đối tác tình dục, cho thấy sự thành công trong việc hẹn hò ngắn hạn (Perusse, 1993).

Những người đàn ông có tỷ lệ vai so với hông cao hơn (SHR) có quan hệ tình dục ở tuổi trẻ hơn, có nhiều đối tác tình dục hơn và nhiều quan hệ tình dục ngoài hôn nhân hơn, và có khả năng cao hơn sẽ quan hệ tình dục với người bạn đời của người khác (Hughes & Gallup, 2003). Những người đàn ông có khuôn mặt hấp dẫn và cơ thể nam tính có nhiều đối tác tình dục ngắn hạn hơn (Rhodes, Simmons, & Peters, 2005) và thể hiện sự ưu tiên mạnh mẽ đặc biệt đối với phụ nữ có độ nữ tính cao trên khuôn mặt (Burriss, Welling, & Puts, 2011). Những người đàn ông có độ mạnh nắm tay cao (Gallup, White, & Gallup, 2007) và có lượng testosterone lưu hành cao (van Anders, Hamilton, & Watson, 2007) thường theo đuổi một chiến lược hẹn hò ngắn hạn. Những người đàn ông có cơ thể cơ bắp (mesomorphic) thường có thành công sinh sản cao hơn, như được đánh giá bởi số lượng con (Genovese, 2008), điều này có thể phản ánh một chiến lược ngắn hạn.

Giá trị bạn đời và chiến lược hẹn hò ngắn hạn của phụ nữ. Những phát hiện về mối liên kết giữa giá trị bạn đời của phụ nữ và chiến lược tình

dục có tính hỗn hợp hơn. Một số không tìm thấy mối liên kết giữa giá trị bạn đời tự nhận thấy của phụ nữ và việc theo đuổi một chiến lược hẹn hò ngắn hạn (ví dụ, Landolt et al., 1995; Mikach & Bailey, 1999). Mặt khác, phụ nữ có tỷ lệ eo so với hông thấp (hấp dẫn) thường theo đuổi một chiến lược hẹn hò không hạn chế (ngắn hạn) và được người khác nhận thấy là lãng nhãng (promiscuous) hơn và không đáng tin cậy hơn (Brewer & Archer, 2007). Một suy đoán là sự hấp dẫn về thân hình, thay vì sự hấp dẫn về khuôn mặt hoặc tổng thể, có thể được liên kết với một chiến lược hẹn hò ngắn hạn ở phụ nữ.

Thay đổi ngữ cảnh thời gian. Sự ưu tiên bạn đời của phụ nữ thay đổi theo ngữ cảnh thời gian. Buss và Schmitt (1993) đã yêu cầu phụ nữ đánh giá sự mong muốn của sáu mươi bảy đặc điểm trong người bạn đời ngắn hạn và dài hạn. Thang đo đi từ -3 (cực kỳ không mong muốn) đến +3 (cực kỳ mong muốn). Phụ nữ thấy những phẩm chất sau đây hấp dẫn hơn trong ngữ cảnh hôn nhân dài hạn so với ngữ cảnh hẹn hò ngắn hạn: "tham vọng và hướng đến sự nghiệp" (đánh giá trung bình, 2,45 ở dài hạn so với 1,04 ở ngắn hạn), "tốt nghiệp đại học" (2,38 so với 1,05), "sáng tạo" (1,90 so với 1,29), "tận tâm với bạn" (2,80 so với 0,90), "yêu trẻ em" (2,93 so với 1,21), "tốt bụng" (2,88 so với 2,50), "hiểu biết" (2,93 so với 2,10), "có trách nhiệm" (2,75 so với 1,75), và "hợp tác" (2,41 so với 1,47). Những phát hiện này cho thấy ngữ cảnh thời gian có mức quan trọng lớn đối với phụ nữ, gây ra sự thay đổi trong sự ưu tiên của họ tùy thuộc vào việc họ đang tìm kiếm một người bạn đời hôn nhân hay một người bạn tình dục ngẫu nhiên (Schmitt & Buss, 1996).

Thay đổi tỷ lệ giới tính. Tỷ lệ nam giới đủ điều kiện so với phụ nữ đủ điều kiện là một ngữ cảnh quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến chiến lược tình dục (Moss & Maner, 2016). Nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ giới tính này, bao gồm các cuộc chiến tranh, giết chết nhiều người đàn ông hơn phụ nữ; các hoạt động mạo hiểm như đánh nhau, thường ảnh hưởng đến nam giới; giết người cố ý, trong đó tỷ lệ tử vong ở nam cao hơn nữ 7 lần; và tỷ lệ tái hôn khác nhau theo độ tuổi, trong đó với tuổi

tăng, phụ nữ tái hôn ít hơn so với nam giới. Nam giới chuyển sang những cuộc gặp gỡ ngắn hạn khi nhiều phụ nữ sẵn sàng tình dục vì tỷ lệ giới tính đang ủng hộ họ và do đó họ có thể thỏa mãn mong muốn đa dạng của mình (Pedersen, 1991). Ví dụ Người đàn ông Ache ở Paraguay, dường như rất lạnh nhạt vì phụ nữ gấp 1.5 lần nam giới (Hill & Hurtado, 1997). Trong nghiên cứu so sánh văn hóa toàn diện nhất về tỷ lệ giới tính và chiến lược tình dục, bao gồm 14.059 người ở 48 quốc gia, những người sống trong văn hóa có dư thừa phụ nữ có khả năng cao hơn chấp nhận thái độ và hành vi liên quan đến một chiến lược hẹn hò ngắn hạn (Schmitt, 2005). Khi có dư thừa nam giới, ngược lại, cả hai giới đều có vẻ chuyển sang một chiến lược hẹn hò dài hạn được đánh dấu bằng những cuộc hôn nhân ổn định và ít ly hôn hơn (Pedersen, 1991). Dư thừa nam giới cũng dự đoán polyandry (chế độ đa phu) - một hình thức hẹn hò trong đó một người phụ nữ kết hôn với nhiều hơn một người đàn ông, thường là anh em (Starkweather & Hames, 2012).

Tính cách và chiến lược hẹn hò. Các đặc điểm tính cách của chính chủ thể cũng dường như ảnh hưởng đến việc theo đuổi các chiến lược tình dục khác nhau. Một nghiên cứu về 13.243 người từ 46 quốc gia đã phát hiện ra rằng các đặc điểm của sự hướng ngoại, mức độ thân thiện thấp và mức độ tận tụy thấp dự đoán sự quan tâm đến hẹn hò ngắn hạn, cố gắng chiếm đoạt bạn đời của người khác, và chịu sự thu hút của việc chiếm đoạt bạn đời của người khác (Schmitt & Shackelford, 2008).

Tính cách kiểu "Dark Triad" - với các đặc điểm của sự ái kỷ (narcissism), biến thái nhân cách (psychopathy) và Machiavellianism (thao túng) - cũng dự đoán các chiến lược hẹn hò ngắn hạn mang tính lợi dụng, bao gồm sự sẵn lòng quan hệ tình dục với người khác trong khi đang trong một mối quan hệ (ví dụ, Schmitt et al., 2017). Ví dụ, tính cách ái kỷ dự đoán sự ưu tiên cho mối quan hệ tình một đêm (Jonason, Luevano, & Adams, 2012).

Tỷ lệ ký sinh trùng sinh thái. Vì ký sinh trùng được biết đến là gây suy giảm về ngoài thể chất, những người sống trong môi trường có tỷ lệ ký sinh trùng cao nên đặt giá trị lớn hơn vào sự hấp dẫn về mặt thể chất trong một bạn đời so với những người sống trong môi trường có tỷ lệ ký sinh trùng thấp (Gangestad & Buss, 1993). Để kiểm tra giả thuyết này, tỷ lệ ký sinh trùng trong 29 văn hóa đã được tương quan với tầm quan trọng mà người dân trong những nền văn hóa đó đặt vào sự hấp dẫn về mặt thể chất trong một người bạn đời hôn nhân. Kết quả xác nhận giả thuyết: Tỷ lệ ký sinh trùng càng cao, sự hấp dẫn về mặt thể chất càng quan trọng (xem Gangestad et al., 2006).

Chuẩn tắc văn hóa và nghi lễ ảnh hưởng đến các chiến lược hẹn hò. Các nền văn hóa khác biệt rất lớn về các quy tắc văn hóa phổ biến xung quanh việc hẹn hò và các nghi lễ mà họ thực hiện. Trong một số nền văn hóa, việc hẹn hò được sắp xếp; trong những nền văn hóa khác, cá nhân có quyền tự do lựa chọn. Một số nền văn hóa, như người đảo Trobriand, khuyến khích thử nghiệm tình dục trước hôn nhân và đặt nhiều sự nhấn mạnh vào khoái cảm tình dục của phụ nữ. Ngược lại, một số nền văn hóa khác cấm tình dục trước hôn nhân và không chú trọng vào sự thỏa mãn tình dục của phụ nữ. Mặc dù tất cả các nền văn hóa đều có nghi lễ hôn nhân, nhưng chúng biến đổi về hình thức. Một số yêu cầu nam giới phải trả 'giá cưới / bride price' trong đó tài nguyên được chuyển giao cho gia đình phụ nữ [*chú thích ngoài bản gốc: gần giống kiểu thách cưới ở Việt Nam vậy*]. Ngược lại, một số nền văn hóa khác lại mong đợi gia đình phụ nữ phải cung cấp tiền cưới trong đó tài nguyên được chuyển giao cho nam giới hoặc gia đình của anh ta. Một số nền văn hóa cho phép hợp pháp đa thê; trong khi đó, một số nền văn hóa khác cấm nó. Một số ít thực hành đa phu.

Mặc dù nguồn gốc của những quy tắc văn hóa khác biệt này chủ yếu không rõ ràng, nhưng sẽ rất đáng ngạc nhiên nếu chúng không ảnh hưởng đến hành vi hẹn hò của con người. Con người có những thích nghi tâm lý để tuân thủ, ưu tiên ý kiến của người khác và theo dõi ảnh

hưởng về địa vị của hành vi của chính mình đối với danh tiếng trong nhóm (Buss, 2015). Sự biến đổi văn hóa về mức độ quan trọng đặt vào trình tiết có liên quan đến sự phổ biến của tình dục trước hôn nhân. Các nền văn hóa với những thực hành nghi lễ của việc cắt bỏ môi lớn và các hình thức cắt tỉa bộ phận sinh dục khác đặt ưu tiên thấp về sự thỏa mãn tình dục của phụ nữ. Các nền văn hóa thậm chí tạo ra những hình thức mới của việc bảo vệ bạn đời, chẳng hạn như việc khâu môi âm hộ, ngăn chặn quan hệ tình dục trừ khi hoặc cho đến khi các đường chỉ khâu môi âm hộ được cắt. Một hướng quan trọng cho công việc lý thuyết và thực nghiệm trong tương lai là sự kết hợp đầy đủ hơn của sự tiến hóa văn hóa với Lý thuyết Chiến lược Tình dục.

Thách thức đối với Lý thuyết Chiến lược Tình dục: Có thể có các lý thuyết thay thế cung cấp các lời giải thích thuyết phục được không?

Trước Lý thuyết Chiến lược Tình dục (Sexual Strategies Theory), không có lý thuyết nào về việc hẹn hò trong các ngành khoa học xã hội được gắn kết với nguyên tắc cơ bản của sinh học tiến hóa, xác định nguồn gốc của các chiến lược hẹn hò, dự đoán rằng chiều dài thời gian của việc hẹn hò sẽ trở nên quan trọng, hoặc mô tả các thay đổi cụ thể theo ngữ cảnh trong việc hẹn hò. Quan trọng hơn, không có lý thuyết nào trước đó dự đoán sự khác biệt giới tính trong tâm lý học cơ bản của việc hẹn hò.

Lời giải thích cạnh tranh đầu tiên cho sự khác biệt giới tính trong sở thích bạn đời đã được Buss và Barnes (1986) đề xuất trước khi họ phát hiện ra sự khác biệt giữa các nền văn hóa - một hình thức giải thích của lý thuyết vai trò xã hội mà họ gọi là "sự bất lực cấu trúc và tư duy giới tính". Theo quan điểm này, vì phụ nữ thường bị loại ra khỏi quyền lực và quyền tiếp cận tài nguyên, quyền lực và tài nguyên này chủ yếu được kiểm soát bởi nam giới, nên phụ nữ tìm kiếm những người bạn đời có quyền lực, địa vị và khả năng kiếm tiền. Phụ nữ cố gắng kết hôn với

người có địa vị kinh tế xã hội cao hơn vì đây là kênh chính để họ tiếp cận tài nguyên. Nam giới không đánh giá cao tài nguyên kinh tế trong một người bạn đời như phụ nữ vì họ đã kiểm soát những tài nguyên này và vì phụ nữ có ít tài nguyên hơn.

Sau đó, Eagly và Wood (1999) cũng đề xuất một lý giải về vai trò xã hội cho sự khác biệt giới tính trong sở thích bạn đời, mặc dù sau khi sự khác biệt giới tính rõ rệt giữa các nền văn hóa đã được phát hiện (Buss, 1989). Họ đề xuất rằng lý do mà một số sự khác biệt giới tính là phổ biến là vì vai trò giới tính xuất phát, một phần, từ sự khác biệt về thể chất tiến hóa giữa nam và nữ (ví dụ: sức mạnh thể chất, khả năng sinh con). Những khác biệt giới tính về thể chất này, họ lập luận, dẫn đến sự phát triển của một số cấu trúc xã hội (ví dụ: phân chia lao động, cơ quan chính trị, truyền thống hôn nhân) hướng dẫn các thực hành xã hội hóa giới tính và ảnh hưởng đến động lực mối quan hệ theo cách tạo ra sự khác biệt tâm lý giới tính, bao gồm cả sự khác biệt giới tính phổ biến về sở thích bạn đời (Eagly & Wood, 1999). "Khi xã hội trở nên bình đẳng hơn, nam và nữ trở nên tương tự hơn về vị trí trong cấu trúc xã hội và do đó, tâm lý học trở nên tương tự hơn ở nhiều khía cạnh" (Eagly et al. 2004, tr. 283-284). Do đó, lý thuyết về vai trò xã hội dự đoán rằng khi bé trai và bé gái được giáo dục bình đẳng hơn, trải nghiệm các vai trò kinh tế và lao động tương tự, trải nghiệm mức độ chênh lệch quyền lực xã hội chính trị thấp hơn, và trải nghiệm ít chế độ phụ hệ và phân biệt giới tính hơn, sự khác biệt tâm lý giới tính nên trở nên nhỏ hơn.

Xã hội Bakweri từ Cameroon ở Tây Phi cung cấp một bài kiểm tra của lý thuyết về vai trò xã hội bằng cách minh họa xem chuyện gì xảy ra khi phụ nữ có quyền lực thực sự (Ardener, Ardener, & Warmington, 1960). Phụ nữ Bakweri có quyền lực cá nhân và kinh tế lớn hơn vì họ có nhiều tài nguyên hơn và nhiều nguồn cung khan hiếm hơn so với nam giới. Phụ nữ thu được tài nguyên không chỉ thông qua công việc của chính họ trên các trang trại mà còn từ tình dục ngẫu nhiên, đây là một nguồn thu nhập béo bở. Có khoảng 236 nam giới cho mỗi 100 phụ nữ, một sự

không cân xứng do làn sóng [di cư] liên tục của nam giới từ các khu vực khác của đất nước đến để làm việc trên các trang trại. Vì có sự không cân xứng cực đoan về số lượng giới tính, phụ nữ có nhiều quyền tự do để thực hiện lựa chọn của mình trong việc chọn bạn đời. Phụ nữ có nhiều tiền hơn nam giới và có nhiều người bạn đời tiềm năng để lựa chọn. Tuy nhiên, phụ nữ Bakweri vẫn thích những người bạn đời có tài nguyên. Các bà vợ thường phàn nàn về việc không nhận được sự hỗ trợ đầy đủ từ chồng mình. Không đủ tiền cung cấp kinh tế là lý do phụ nữ thường xuyên đưa ra để ly dị. Phụ nữ Bakweri thay đổi chồng nếu họ tìm thấy một người đàn ông có thể cung cấp cho họ nhiều tiền hơn và trả một giá cưới lớn hơn. Khi phụ nữ có vị trí để thỏa mãn sự ưu tiên tiến hóa của mình cho một người đàn ông có tài nguyên, họ làm như vậy. Việc kiểm soát cá nhân các tài nguyên kinh tế rõ ràng không phủ nhận sự ưu tiên bạn đời này.

Buss (1989b) cung cấp một bộ kiểm tra hệ thống hơn của lý thuyết giải thích về vai trò xã hội. Trong một bài kiểm tra, ông xác định những phụ nữ thành công về tài chính, được đo bằng lương và thu nhập của họ, và so sánh sở thích của họ về một người bạn đời với những phụ nữ có mức lương và thu nhập thấp hơn (Buss, 1989b). Những phụ nữ thành công về tài chính được đào tạo tốt, có xu hướng sở hữu các bằng cấp chuyên nghiệp, và có lòng tự trọng cao. Những phụ nữ thành công hóa ra lại đặt giá trị cao hơn so với những phụ nữ ít thành công hơn về người bạn đời về bằng cấp chuyên nghiệp, địa vị xã hội cao, thông minh hơn và cao lớn, độc lập và tự tin. Thu nhập cá nhân của phụ nữ có liên quan tích cực với thu nhập mà họ muốn ở một người bạn đời lý tưởng (+.31), mong muốn một người bạn đời là một người tốt nghiệp đại học (+.29), và mong muốn một người bạn đời có bằng cấp chuyên nghiệp (+.35). Trái với giả thuyết về vai trò xã hội/bất lực cấu trúc, những phụ nữ này biểu thị một sự ưu tiên *thậm chí còn mạnh mẽ hơn* cho những người đàn ông kiếm được nhiều tiền hơn so với những phụ nữ ít thành công hơn về tài chính.

Trong một bài kiểm tra thứ hai, Buss (1989b) tương quan giữa hai chỉ số về bất bình đẳng giới về kinh tế với độ lớn của sự khác biệt giới tính về sở thích cho những người bạn đời có khả năng kiếm tiền tốt trên 30 nền văn hóa. Không có chỉ số nào về bất bình đẳng giới về kinh tế hoặc giáo dục có liên quan đáng kể với độ lớn của sự khác biệt giới tính trong sở thích bạn đời này.

Sau đó, Eagly và Wood (1999) tiến hành các phân tích thứ cấp trên bộ dữ liệu của Buss (1989). Họ xây dựng những chỉ số khác nhau về độ lớn của bình đẳng / bất bình đẳng giới tính ở cấp độ văn hóa trong một phần nhỏ các nền văn hóa mà Buss đã nghiên cứu. Chỉ có một trong bốn bài kiểm tra cho thấy mối tương quan đáng kể với độ lớn của sự khác biệt giới tính trong sở thích bạn đời có tài chính tốt. Không có bài kiểm tra nào về bình đẳng giới tính dự đoán sự biến đổi văn hóa đáng kể trong sự khác biệt giới tính về sự quan trọng gắn liền với sự quyến rũ về hình thức. Vì vậy, trong số những bài kiểm tra quan trọng trên hai biến số chính này, chỉ có một trong tám bài kiểm tra cho thấy kết quả đáng kể về mặt thống kê, cho thấy sự hỗ trợ yếu đối với lý thuyết về vai trò xã hội trong lĩnh vực sở thích bạn đời trên những biến số cốt lõi này.

Các nghiên cứu sau này đã tiếp tục không tìm thấy sự hỗ trợ cho lý thuyết vai trò xã hội về sự khác biệt giới tính trong các chiến lược hẹn hò. Các nghiên cứu xuyên văn hóa liên tục tìm thấy mối quan hệ nhỏ nhưng tích cực giữa quyền tiếp cận cá nhân của phụ nữ vào tài nguyên kinh tế và sở thích cho những người bạn đời có tài nguyên. Một nghiên cứu về 1.670 phụ nữ Tây Ban Nha tìm kiếm bạn đời thông qua quảng cáo hẹn hò đã phát hiện ra rằng phụ nữ có nhiều tài nguyên và địa vị hơn thường tìm kiếm nam giới có tài nguyên và địa vị (Gil-Burmann, Pelaez, & Sanchez, 2002). Một nghiên cứu về 288 người Jordan đã phát hiện ra rằng cả phụ nữ và nam giới có địa vị kinh tế xã hội cao đều đặt nhiều giá trị hơn, chứ không phải ít hơn, vào các đặc điểm của người bạn đời có bằng cấp đại học và tính cách tham vọng-chăm chỉ (Khallad, 2005). Một nghiên cứu về 127 người từ Serbia kết luận: "Địa vị cao của

phụ nữ có liên quan tích cực với sự quan tâm của họ đối với địa vị kinh tế xã hội tiềm năng của người bạn đời tiềm năng, trái với dự đoán của mô hình xã hội-cấu trúc (socio-structural model)" (Todosijevic, Ljubinkovic, & Arancic, 2003, tr.116). Các nghiên cứu xuyên văn hóa quy mô lớn khác không tìm thấy sự hỗ trợ cho giả thuyết về sự bất lực cấu trúc hoặc lý thuyết về vai trò xã hội (Lippa, 2009; Schmitt, 2012; Schmitt et al., 2009; nhưng xem thêm Zentner & Eagly, 2015). Nói chung, một phát hiện phổ biến trên nhiều nghiên cứu là sự khác biệt giới tính thường lớn hơn ở các nền văn hóa bình đẳng giới hơn (ví dụ: Stoet & Geary, 2018; Schmitt, 2014), trái với dự đoán từ lý thuyết về vai trò xã hội (social role theory).

Kết luận

Theo hiểu biết của chúng tôi, chính SST, chứ không phải lý thuyết về vai trò xã hội (social-role theory) hay bất kỳ lý thuyết cạnh tranh nào khác, đã đưa ra dự đoán phong phú về nội dung liên quan đến: (1) sự khác biệt giữa giới tính trong tâm lý hẹn hò ngắn hạn, như mong muốn đa dạng về tình dục, sự nhanh chóng đồng ý quan hệ tình dục, và đồng ý quan hệ tình dục với người lạ hoàn toàn; (2) sự khác biệt giữa giới tính trong mô hình, và phản ứng cảm xúc đối với sự lừa dối tình dục; (3) sự hấp dẫn phụ thuộc vào bối cảnh của nam giới đối với dấu hiệu về khả năng bị lợi dụng tình dục ở phụ nữ, (4) sự khác biệt giữa giới tính trong nguyên nhân của sự hối tiếc tình dục, (5) tiêu chuẩn toàn cầu về vẻ đẹp khuôn mặt phụ nữ thể hiện dấu hiệu về tuổi trẻ và khả năng sinh sản, (6) tiêu chuẩn về sự hấp dẫn cơ thể phụ nữ như tỷ lệ eo/hông thấp thể hiện dấu hiệu về tuổi trẻ và khả năng sinh sản, (7) tiêu chuẩn về sự hấp dẫn của nam giới thể hiện dấu hiệu về địa vị và khả năng kiếm tài nguyên, (8) tiêu chuẩn về sự hấp dẫn của nam giới như chiều cao và sức mạnh thể chất thể hiện dấu hiệu về bảo vệ, (9) sự khác biệt giữa giới tính trong chiến lược thu hút bạn đời và dự đoán về chiến lược thu hút bạn đời, sự gièm pha đối thủ, và việc giữ chặt bạn đời tương ứng chính xác với sở thích bạn đời đã tiến hóa; và (10) sự thay đổi tùy thuộc vào ngữ cảnh trong chiến lược tình dục dựa trên các biến số như tỷ lệ giới tính,

sự phổ biến của ký sinh trùng, và giá trị bạn đời. SST dự đoán và giải thích thành công mảng đa dạng này của các phát hiện thực nghiệm. Bất kỳ lý thuyết cạnh tranh thực sự nào về chiến lược hẹn hò của con người, để được xem xét nghiêm túc, nên cung cấp một lý thuyết thay thế thuyết phục cho mảng lớn này của các phát hiện thực nghiệm tích lũy.

Trong phần kết luận này, chúng tôi nêu bật những tiến bộ trong SST kể từ khi nó được hình thành vào năm 1993, và đề xuất hướng phát triển lý thuyết trong tương lai.

Chiến lược hẹn hò ngắn hạn của nam giới. Trong khi Buss và Schmitt (1993) đã đưa ra các giả thuyết về bốn đặc điểm thiết kế của chiến lược hẹn hò ngắn hạn của nam giới (ví dụ, thời gian trôi qua trước khi tìm kiếm quan hệ tình dục; số lượng đối tác tình dục mong muốn; giảm tiêu chuẩn cho đối tác hẹn hò ngắn hạn), sau đó, lý thuyết và nghiên cứu đã ghi nhận ít nhất năm đặc điểm thiết kế khác.

Điều này bao gồm nỗi hối tiếc tình dục về những cơ hội tình dục bị bỏ lỡ, cảm thấy hấp dẫn tình dục đối với phụ nữ thể hiện dấu hiệu khả năng bị lợi dụng tình dục, chiến lược lừa dối bằng cách giả vờ quan tâm lâu dài để có quan hệ tình dục ngắn hạn, nỗi buồn cảm xúc về việc bị dụ dỗ tình dục mà không có sự quan tâm chăm sóc tiếp theo, và các chiến lược tâm lý để tránh những cam kết hẹn hò rắc rối (ví dụ, Jonason & Buss, 2012).

Chiến lược hẹn hò ngắn hạn của phụ nữ. Mặc dù SST ban đầu đã đề cập đến một số giả thuyết cạnh tranh về chức năng của chiến lược hẹn hò ngắn hạn của phụ nữ, nhưng chứng cứ liên quan đến mỗi giả thuyết gần như không tồn tại vào năm 1993. Trong suốt hơn một phần tư thế kỷ qua, hầu hết nỗ lực nghiên cứu đã được dành để kiểm tra các biến thể của giả thuyết 'gen tốt'. Sau khi xem xét các chứng cứ, đánh giá của chúng tôi là chứng cứ thực nghiệm cho chức năng gen tốt là yếu, mặc

dù nó không thể bị loại trừ đối với một nhóm phụ nữ.

Mặc dù ít được nghiên cứu hơn, chúng tôi đề xuất rằng giả thuyết về việc chuyển đổi bạn đời của phụ nữ trong hẹn hò ngắn hạn là hứa hẹn hơn (Buss et al., 2017). Những giả thuyết này không loại trừ lẫn nhau. Hẹn hò ngắn hạn có thể phục vụ các chức năng khác nhau cho các phụ nữ khác nhau trong các hoàn cảnh khác nhau. Một số phụ nữ có thể sử dụng hẹn hò ngắn hạn để thử nghiệm các bạn đời dài hạn tiềm năng - một giả thuyết được đề xuất ban đầu bởi Buss và Schmitt (1993), nhưng theo kiến thức của chúng tôi, vẫn chưa được kiểm tra thực nghiệm. Một số phụ nữ có thể sử dụng hẹn hò ngắn hạn để có được tài nguyên, như được đề xuất bởi Symons (1979) và Buss và Schmitt (1993), và gần đây hơn là Baumeister và Vohs (2012) dưới tiêu đề 'lý thuyết kinh tế tình dục'. Các hình thức hiện đại của giao dịch tình dục đổi tiền bao gồm khiêu dâm trên internet, các trang web hẹn hò trên internet đổi tiền, và nam giới trả tiền để xem phụ nữ trực tiếp trên internet sử dụng camera tình dục. Liệu những hình thức giao dịch tình dục đổi tiền này chỉ đơn giản phản ánh việc khai thác tâm lý hẹn hò ngắn hạn của nam giới? Hay chúng là biểu hiện hiện đại của một chức năng phù hợp đã tiến hóa của chiến lược hẹn hò ngắn hạn của phụ nữ? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần thêm nghiên cứu. Đối với một số phụ nữ, hẹn hò ngắn hạn có thể không phục vụ bất kỳ chức năng nào cả, và chỉ đơn giản là sản phẩm phụ không thích nghi của việc kích hoạt cơ chế tạo ra niềm vui tình dục trong môi trường hiện đại. Do đó, nghiên cứu trong tương lai nên tập trung vào việc kiểm tra các giả thuyết về phụ nữ nào trong hoàn cảnh nào có được lợi ích gì, nếu có, từ hẹn hò ngắn hạn.

Sự biến đổi trong hẹn hò ngắn hạn và dài hạn. 'Hẹn hò ngắn hạn' không phải là một hiện tượng đơn lẻ. Nghiên cứu trong tương lai nên phân biệt quan hệ tình dục thỏa thuận ít cam kết như việc kết nối tình cờ trên khuôn viên trường học đại học từ những mối quan hệ ít đầu tư, và phân biệt những mối quan hệ đó từ những mối quan hệ dài hạn có thể về bản chất hoạt động không khác gì so với hẹn hò dài hạn chính thức. Sự gia

tăng phổ biến của việc không có một mối quan hệ độc quyền được chấp thuận (consensual non-monogamy) là một con đường nghiên cứu thú vị khác. Liệu những thỏa thuận này có phản ánh những nỗ lực để thực hiện cả hai chiến lược hẹn hò dài hạn và ngắn hạn cùng một lúc không? Liệu những người theo đuổi một mối quan hệ không độc quyền có khác biệt với những người không theo đuổi theo những cách quan trọng không, như sở hữu dục tình đặc biệt cao hoặc một ngưỡng kích hoạt đặc biệt thấp cho sự ghen tuông tình dục (sexual jealousy)? Còn nhiều điều cần khám phá về những biến đổi quan trọng xuyên suốt chiều không gian, thời gian của chiến lược tình dục.

Chiến lược hẹn hò dài hạn của nam giới. Chiến lược hẹn hò dài hạn của nam giới đã trở thành trung tâm của SST ngay từ khi bắt đầu. Nhiều yếu tố cốt lõi của chiến lược này đã được ghi nhận. Những yếu tố này bao gồm ưu tiên hẹn hò tương tự như những người phụ nữ trong hẹn hò dài hạn, như ưu tiên chất lượng đối tác tốt và chất lượng làm cha mẹ tốt như sự đáng tin cậy và ổn định về cảm xúc (emotional stability). Chúng bao gồm việc kích hoạt cảm xúc yêu đương, có lẽ là một thiết bị cam kết chính (key commitment device). Chiến lược hẹn hò dài hạn của nam giới cũng bao gồm ưu tiên mà nam giới đặt lên dấu hiệu về giá trị sinh sản của phụ nữ, như tuổi trẻ và vẻ đẹp; ưu tiên mà nam giới đặt lên sự chung thủy tình dục; cảm xúc chức năng của sự ghen tị tình dục; và mảng của các chiến lược giữ chặt bạn đời mà nam giới triển khai để bảo vệ tài sản sinh sản của họ, bao gồm việc ban tặng lợi ích từ tài nguyên và chiến lược để đẩy lùi mối đe dọa từ những kẻ cướp bạn đời (Buss & Shackelford, 1997). Một số bằng chứng khoa học nêu bật giá trị của SST trong việc dự đoán việc nam giới chuyển đổi bạn đời hoặc tái hôn, như ly dị vợ không chung thủy hoặc đã mãn kinh và tái hôn với phụ nữ ngày càng trẻ hơn họ (Conroy-Beam & Buss, sắp xuất bản). Tuy nhiên, còn nhiều điều cần khám phá về các ngữ cảnh khiến nam giới chuyển từ chiến lược hẹn hò dài hạn sang chiến lược hẹn hò ngắn hạn (ví dụ, tăng đột ngột về địa vị), hoặc từ chiến lược hẹn hò ngắn hạn sang chiến lược hẹn hò dài hạn (ví dụ, thu hút thành công một người

phụ nữ ở đầu ngọn của phạm vi giá trị bạn đời của anh ta).

Chiến lược hẹn hò dài hạn của phụ nữ. Giống như nam giới, phụ nữ ưu tiên chất lượng đối tác tốt và chất lượng làm cha mẹ tốt trong một bạn đời dài hạn - trí thông minh, đáng tin cậy, ổn định về cảm xúc, khả năng thích ứng, và sức khỏe tốt. Phụ nữ hơn nam giới ưu tiên tài nguyên kinh tế, dấu hiệu về khả năng kiếm được tài nguyên như tham vọng và địa vị, và dấu hiệu về sự sẵn lòng của một người đàn ông chuyển những tài nguyên đó cụ thể cho cô ấy và con của cô ấy. Không có nhiều bằng chứng từ các nghiên cứu gần đây được tiến hành trên toàn cầu, từ Ấn Độ đến Trung Quốc đến Na Uy, rằng những ưu tiên này đã thay đổi, mặc dù sự bình đẳng giới tính ở một số quốc gia đã gia tăng.

Tuy nhiên, có bằng chứng về sự tiến hóa văn hóa trong chiến lược hẹn hò dài hạn của phụ nữ. Nam và nữ hiện đại ở Trung Quốc đại lục, ví dụ, không còn đặt nhiều giá trị vào sự trinh trắng như họ đã từng làm ba thập kỷ trước (Chang et al., 2011). Phụ nữ ở một số nền văn hóa, như Nhật Bản, dường như đang từ bỏ hoàn toàn việc hẹn hò dài hạn, chọn tập trung vào sự nghiệp của họ. Và khi sự bình đẳng kinh tế về giới tiếp tục tăng lên, chúng ta có thể mong đợi phụ nữ sẽ ngày càng đòi hỏi kỹ lưỡng hơn trong sở thích bạn đời dài hạn của mình, và sẽ ít kiên nhẫn hơn với những người bạn đời hiện tại không đáp ứng được mong muốn dài hạn của họ.

Tâm lý học hẹn hò đã tiến hóa trong thế giới hiện đại. Con người tiến hóa trong những nhóm nhỏ người săn bắt hái lượm, có lẽ từ 50 đến 150 cá nhân (Dunbar, 1993). Liên hệ với các nhóm khác xảy ra thông qua việc hợp nhất các nhóm nhỏ hơn vào một nhóm lớn hơn, giao dịch giữa các nhóm lân cận, nỗ lực hẹn hò ngoại giao, và chiến tranh nhóm nhỏ. Toàn bộ kho của các bạn đời tiềm năng mà một người tiền sử điển hình có thể tiếp xúc có lẽ chỉ là vài chục người. Hẹn hò trong thế giới hiện đại, ngược lại, tiếp xúc mọi người với hàng trăm nghìn bạn đời tiềm năng, trước tiên được thực hiện thông qua sự bùng nổ dân số và các

thành phố đô thị lớn. Hẹn hò trên internet đã mở rộng kho bạn đời lên tới hàng triệu. Công nghệ văn hóa đã được phát minh để thực hiện các chiến lược tình dục đã tiến hóa của chúng ta.

Theo một nghĩa thực sự, sự tiến hóa văn hóa có thể đang tiếp quản nơi sự tiến hóa hữu cơ dừng lại. Con người tạo ra công nghệ văn hóa mới để theo đuổi chiến lược hẹn hò đã tiến hóa của họ một cách thành công hơn. Các trang web hẹn hò trên internet chuyên biệt được thiết kế để khai thác các khía cạnh khác nhau của tâm lý học hẹn hò đã tiến hóa của chúng ta. Nhưng đồng thời, những đổi mới văn hóa này có thể thay đổi tâm lý học hẹn hò của chúng ta theo nhiều cách, một số đã biết và một số chưa biết, như liệu chúng có lừa dối chúng ta về việc tìm thấy một bạn đời hoàn hảo nhất có thể tối ưu về mỗi một trong hàng chục phẩm chất rục rờ. Các tiêu chuẩn về đạo đức tình dục đã tiến hóa của chúng ta có thể xung đột với những đổi mới văn hóa, như việc quyết định việc xem phim khiêu dâm, mua búp bê tình dục ngày càng nhiều, hay sử dụng công nghệ tình dục ảo tiên tiến có được coi là phản bội với bạn đời lâu dài hay không.

Đây là một thời điểm thú vị cho việc nghiên cứu về hành vi hẹn hò của con người. Lý thuyết Chiến lược Tình dục không cung cấp lời giải cuối cùng về chiến lược hẹn hò của con người, nhưng nó cung cấp một nền tảng để xây dựng khoa học về hành vi hẹn hò của con người trong tương lai.

- Hết -

Lời của người biên tập: nội dung của tài liệu này được tạo ra với mong muốn trở thành nguồn tư liệu hữu ích cho bất kỳ ai quan tâm đến chủ đề nhưng có vốn tiếng Anh hạn chế. Ngoài điều ấy ra, nó không có mục đích nào khác, bao gồm, nhưng không giới hạn: tiền bạc, nổi tiếng, dạy đời, v.v.. Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến (các) tác giả gốc của nghiên

cứu này. Độc giả vui lòng chỉ dùng tài liệu này cho mục đích cá nhân & phi thương mại.

Người biên tập: Nguyễn Đức Anh (blogmienphi.com)

Link gốc bản tiếng Anh:

<https://bura.brunel.ac.uk/bitstream/2438/16932/3/FullText.pdf?ref=quillette.com>

Nếu bạn có khả năng đọc hiểu tiếng Anh, hãy đọc bản gốc, nó bao giờ cũng tốt hơn bản dịch.

Phiên bản #1 của bản dịch này được hoàn thành vào ngày: 06/01/2024

Chúng tôi có thể cập nhật các bản dịch tốt hơn, để tăng cường chất lượng. Nếu trường hợp đó xảy ra, trên website sẽ có thông báo rõ ràng về các phiên bản khác nhau để độc giả phân biệt.